

Lục Tổ Huệ Năng



KINH PHÁP BẢO ĐÀN



Soạn Thuật : Pháp Hải

Việt Dịch : Ns.Trí Hải

Nguồn

<http://www.thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 30-6-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

- LƯỢC SỬ LỤC TỔ ĐẠI SƯ
- PHẨM THỨ NHẤT - TỰ THUẬT
- PHẨM THỨ HAI - BÁT NHÃ
- PHẨM THỨ BA - GIẢI QUYẾT NGHI HOẶC
- PHẨM THỨ TƯ - ĐỊNH TUỆ
- PHẨM THỨ NĂM - DIỆU HẠNH
- PHẨM THỨ SÁU - SÁM HỎI
- PHẨM THỨ BẢY - CƠ DUYÊN
- PHẨM THỨ TÁM - ĐÓN VÀ TIỆM
- PHẨM THỨ CHÍN - DUY TRÌ CHÁNH PHÁP
- PHẨM THỨ MƯỜI - DẶN DÒ
- PHỤ LỤC CỦA LINH THAO - (NGƯỜI GIỮ THÁP)

LƯỢC SỬ LỤC TỔ ĐẠI SƯ

Đại sư tên Huệ Năng, thân phụ họ Lu, húy Hành Thao, thân mẫu họ Lý. Đời vua Đường Vũ Đức năm thứ 3 tháng 9 ở tân Châu, bà Lý Thị nằm mộng thấy trước sân hoa trắng đua nở, có đôi chim nhạn trắng bay, hương lạ tỏa đầy nhà, khi tỉnh dậy thì thụ thai. Bà thanh khiết trai giới, hoài thai sáu năm Sư mới ra đời. Ấy là năm Trinh Quán thứ 12 đời Đường Thái Tông, nhằm năm Mậu Tuất (638DL) ngày mùng 8 tháng 2 giờ Tý. Bấy giờ có một luồng hào quang bay lên không, mùi hương tỏa khắp. Sáng hôm sau có hai vị Tăng đến nhà bảo thân phụ Ngài rằng: “Hài nhi ra đời hồi đêm hãy đặt tên là Huệ năng”. Thân phụ ngài hỏi vì sao đặt tên ấy, thì vị Tăng đáp: “Huệ có nghĩa là dùng pháp mà ban bố để cứu độ chúng sanh. Năng là có khả năng làm việc Phật”. Nói xong liền từ biệt, không biết đi đâu.

Sư không uống sữa mẹ, về đêm có thần nhân đến nuôi bằng nước Cam Lộ. Năm Sư lên ba tuổi thì thân phụ qua đời. Mẹ Ngài thủ chí nuôi con. Khi trưởng thành làm nghề bán củi nuôi mẹ. Năm hai mươi bốn tuổi nhân khi bán củi. Sư nghe Kinh Kim Cang mà ngộ đạo, liền đến Hoàng Mai tham lễ. Ngũ Tổ nhận là bậc Pháp khí, truyền y bát cho Sư kế vị làm đệ Lục Tổ. Bấy giờ là Long Sóc nguyên niên (661DL) đời vua Đường Cao Tông, nhằm năm tân dậu. Năm ấy, tổ 24 tuổi, đến Hoàng Mai bái yết Ngũ Tổ được truyền pháp.

Ngài về phía Nam ty nạn mười lăm năm, đến Nghi Phụng nguyên niên đời vua Cao Tông nhằm năm Bính Tý (676 DL) ngày 8 tháng giêng Ngài hội kiến Pháp Sư Ấn Tông cùng bàn luận ý nghĩa thâm áo. Ấn Tông nhờ Sư mà khế ngộ. Vào ngày rằm tháng ấy, ngài Ấn Tông triệu tập chúng làm lễ thế phát cho Sư, ngày 8 tháng 2, họp các bậc danh đức truyền cụ túc giới. Ngài Trí Quang luật sư ở tây kinh làm Hòa thượng đàn đầu, Huệ Tịnh luật sư ở Tô Châu làm Yết ma, Thông Ứng luật sư ở Kinh Châu làm giáo thọ, Kỳ Đa La luật sư ở Trung Ấn thuyết giới, Mật Đa Tam Tạng pháp sư ở tây Ấn chứng giới. Còn giới đàn do tam tạng pháp sư Cầu Na Bạt Đà La sáng lập vào triều nhà Tống, có khắc bia để lại huyền ký như sau: “Sau này sẽ có vị nhục thân Bồ tát thọ giới tại đây”. Lại có một lời huyền ký khác nữa, là vào đời vua Lương Thiên Giám nguyên niên, Tam tạng Pháp sư Trí Dục từ Ấn Độ sang Trung Hoa bằng đường biển đã đem một cây Bồ đề từ Ấn Độ đến trồng bên cạnh giới đàn, khắc lời tiên tri như sau: “Cách một trăm bảy mươi năm sau sẽ có vị nhục thân Bồ tát ở dưới gốc cây này khai diễn Tối thượng thừa, độ vô lượng chúng sanh. Người ấy chính là Pháp chủ truyền tâm ấn của Phật”. Sư đến đây thế phát thọ giới và khai thị cho bốn chúng tông chỉ

Ngài đã kế thừa, nhất nhất đều phù hợp với lời sấm xưa. Tính từ Thiên Giám nguyên niên nhà Lương (Năm Nhâm Ngọ) cho đến Nghi Phụng nguyên niên nhà Đường (năm Bính Tý) cách nhau một trăm bảy mươi lăm năm.

Mùa xuân năm sau, sư từ già đại chúng trở về núi Bảo Lâm ở Tào Khê. Ấn Tông pháp sư cùng tại gia xuất gia đưa tiễn Ngài hơn một ngàn người đến Tào Khê. Bảy giờ Thông Ứng luật sư ở Kinh Châu cùng trăm đệ tử y chỉ theo Sư.

Sư nhận thấy chùa bảo Lâm ở Tào Khê còn chật hẹp không đủ chỗ cho đại chúng, muốn mở rộng, bèn đến một vị địa chủ trong làng là Trần Á Tiên nói:

- Lão Tăng đến xin thí chủ một khoảnh đất để trải tọa cụ, được không?

Á Tiên nói:

- Tọa cụ Hòa thượng rộng bao nhiêu?

Sư đưa tọa cụ cho xem. Á Tiên bằng lòng. Sư trải tọa cụ ra thì nó choán cả bốn phương tào Khê, có trời Tứ Thiên Vương ngồi trấn giữ bốn góc (nay cảnh chùa ấy có đỉnh núi gọi là Thiên Vương Lãnh là do sự tích này mà đặt tên).

Á Tiên nói:

- Con cũng biết pháp lực của Hòa thượng thật quảng đại, nhưng phần mộ của tổ tiên con đều ở trên đất này, sau có xây chùa tháp xin Hòa thượng giữ lại cho. Còn bao nhiêu đất con xin cúng dường tất cả, vĩnh viễn làm của tam bảo. Nhưng đất này có sanh long mạch, chỉ có thể bình thiên, không nên bình địa (chỗ cao xây nhà thấp, chỗ thấp xây nhà cao, chứ không được san bằng).

Sau đó tất cả công tác xây cất đều giữ đúng theo lời dặn ấy. Sư dạo đến đâu thấy sơn thủy tốt đẹp là dừng, và chỗ ấy thành một nơi lan nhã, cộng tất cả có mười ba nơi.

Nói về sự tích chùa Bảo Lâm ấy thì trước kia cũng do Tam Tạng pháp sư Trí Dược ở Ấn Độ từ Nam Hải sang, khi ngang cửa Tào Khê mức nước uống thì thấy hương vị tuyệt trần, nên bảo với đồ chúng: “Nước này không khác gì nước ở tây Vực ta. Chắc là trên nguồn khe có chỗ đất tốt, có thể làm chôn

lan nhã”. Bèn đi lên tới nguồn, nhìn xem bốn phía thấy sơn thủy kỳ tú khen: “Thật giống như núi bảo Lâm ở trời tây (Ấn Độ)”. Bèn bảo cư dân ở thôn Tào nên làm một ngôi chùa, trên một trăm lẻ bảy năm sau Vô Thượng pháp bảo sẽ được khai diễn, người đắc đạo tông như rừng, nên đặt hiệu là Bảo Lâm.

Khi ấy, quan Châu Mục ở Thiệu Châu là Hầu Cảnh Trung, làm biểu ấy tâu lên vua nhà Lương, nên vào năm 504 (Thiên Giám năm thứ 3)[1] vua sắc tứ hiệu Bảo Lâm, ngôi chùa liền thành một Phạm cung.

Trước chánh điện có một cái ao đầm, có con rồng thường xuất hiện quấy phá cây cối. Một hôm nó hiện hình rất lớn làm nổi sóng tung tóe, mây mù đầy trời, khiến đồ chúng kinh sợ. Sư mắng rồng:

- Ngươi chỉ biết hiện ra thân lớn, mà không biết hiện thân nhỏ. Nếu là thân long, thì phải biết biến hóa, nhỏ thành lớn, lớn thành nhỏ mới hay.

Con rồng bỗng lặn mất, một lát sau lại hiện thân nhỏ xíu nhảy lên trên mặt ao. Sư giờ bình bát ra thách:

- Ngươi không dám vào trong bình bát của Lão Tăng đâu?

Con rồng mắc mưu thùng thỉnh lợi tới, Sư đẩy nắp bát, rồng không cựa được nữa. Sư cầm bát trở vào chùa thuyết pháp cho rồng. Nghe xong, rồng thoát xác mà đi, để lại bộ xương dài bảy tấc, đủ cả đầu đuôi được lưu giữ tại cổng chùa. Sau đó Sư lấp ao. Nay trước điện bên tả có ngôi tháp bằng sắt chính là chỗ xưa rồng ở.

[1] Chùa được vua đặt tên gọi là chùa Sắc Tứ. Tên ấy thường được viết trên một bức hoành bằng gỗ sơn mài treo ngang trước chánh điện.

PHẨM THỨ NHẤT - TỰ THUẬT

Khi Đại sư đến Bảo Lâm, quan thứ sử họ Vi ở Thiệu Châu cùng các quan liêu vào núi thỉnh Sư đến đô thành thuyết pháp ở giảng đường chùa Đại Phạm. Sau khi Sư thăng pháp tòa, quan Thứ sử cùng các quan thuộc hơn ba mươi người, trí thức nho sĩ trên ba mươi người, Tăng ni Phật tử hơn một

ngàn người, đồng thời đánh lễ Sư, xin nghe yếu chỉ Phật pháp. Đại sư bảo chúng:

“Thiện tri thức! Tự tánh Bồ đề xưa nay thanh tịnh, chỉ cần sử dụng tâm ấy tức thì thành Phật. Thiện tri thức! Xin hãy nghe qua tông tích và việc đắc pháp của tôi. Huệ Năng nghiêm phụ quê ở Phạm Dương, bị giáng chức đày đến Lĩnh Nam làm dân thường ở Tân Châu. Tôi xuất thân bất hạnh, cha mất sớm, một mình ở với mẹ già, gian khổ nghèo cùng, làm nghề bán củi ở chợ. Bấy giờ có khách mua củi, sai gánh đến nhà, khi đưa củi đến nhà cho khách, nhận tiền xong tôi bước ra khỏi cửa bỗng thấy có người đang tụng Kinh. Vừa nghe qua lời Kinh, tâm liền khai ngộ, tôi hỏi khách tụng Kinh gì. Đáp: Kinh Kim Cang. Lại hỏi: Khách từ đâu đến tụng Kinh này, khách bảo: “Tôi người huyện Hoàng Mai, chùa Đông Thiên do Đại sư Hoàng nhẫn, Tổ thứ năm thiên tông, đấng trụ trì giáo hóa, môn nhân trên số nghìn. Tôi đến lễ bái Đại Sư mà thọ trì Kinh này. Đại sư thường dạy tại gia và xuất gia chỉ cần trì Kinh Kim Cang thì thấy tánh thành Phật”. Huệ Năng nghe nói tự biết mình có túc duyên với Phật pháp. Lại nhờ một người cho mười lạng bạc để cấp dưỡng mẹ già, bảo nên đến Hoàng Mai tham lễ Ngũ Tổ. Huệ Năng thu xếp cho mẹ già xong, liền từ biệt mà đi. Không quá ba mươi ngày đã tới Hoàng Mai, lễ bái Ngũ Tổ, Tổ hỏi:

- Ngươi là người phương nào? Đến đây muốn cầu chuyện gì?

Huệ Năng đáp:

- Đệ tử là thường dân ở Tân Châu, đất Lĩnh Nam. Từ xa đến bái kiến Đại sư, chỉ cầu làm Phật mà thôi, không cầu chuyện gì khác.

Tổ dạy:

- Ngươi là người đất Lĩnh Nam, lại là kẻ quê mùa, sao làm Phật được?

Huệ Năng thưa:

- Bạch Hòa thượng, người có nam bắc, chứ Phật tánh không có bắc nam. Thân quê mùa của con không giống với thân Hòa thượng, nhưng Phật tánh nào có khác gì?

Ngũ Tổ còn muốn nói thêm, nhưng thấy đồ chúng đứng cả hai bên, bèn bảo Huệ Năng hãy theo chúng làm việc. Năng thưa:

- Đệ tử xin bạch Hòa thượng: Đệ tử tự tâm thường sanh trí huệ, không rời tự tánh, đây là phước điền. Chẳng hay Hòa thượng còn dạy làm việc chi nữa?

Tổ bảo:

- Chà, cái tên quê mùa này căn tánh thật là sắc sảo! Thôi, ngươi chớ nói nữa, hãy xuống nhà xay đi.

Huệ Năng lui ra nhà sau, gặp một vị hành giả sai bữa củi, đập chày. Hơn tám tháng, một hôm Tổ nhắc thấy, bảo:

- Ta nghĩ cái kiến giải của con có thể dùng được. Nhưng vì sợ ác nhân hại con, nên ta không nói con việc ấy. Con có biết không?

Huệ Năng bạch:

- Dạ, đệ tử cũng biết được tôn ý nên không dám đi lên nhà trên, để khỏi ai biết.

Một ngày kia Tổ gọi đồ chúng:

- Lại tất cả đây, ta có chuyện này báo các ngươi. Người đời sanh tử là việc lớn, các người suốt ngày chỉ cầu phước, mà không cầu thoát ra khỏi biển khổ sanh tử. Tự tánh nếu mê, thì phước nào cầu được? Các người hãy tự quán sát trí tuệ mình, đem cái tánh Bát nhã của bản tâm mà làm một bài kệ cho ta xem. Ai ngộ được đại ý Phật pháp, thì ta trao y bát cho, làm đệ Lục Tổ. hãy mau lên, không được trì hoãn. Suy nghĩ tức không trúng. Người kiến tánh nói ra là thấy liền. Nếu đã thấy tánh, thì đang múa đao ra trận cũng thấy được.

Chúng nghe xong bàn nhau rằng, chúng ta chẳng cần dụng tâm làm kệ trình Hòa thượng làm gì, đã có Thượng tọa Thần Tú nay là thầy dạy chúng ta, chắc chắn vị ấy được phú y pháp. Chúng ta có làm kệ cũng chỉ uổng công mà thôi.

Mọi người nghe lời ấy đều gác bỏ việc làm kệ, bảo nhau, từ nay về sau chúng ta hãy cứ nương theo Thượng tọa Thần Tú mà tu hành, cần gì trình kệ.

Thần Tú suy nghĩ: “Mọi người không ai trình kệ, vì cho rằng ta là thầy dạy họ. Vậy ta nên làm kệ đem trình Hòa thượng, nếu ta không trình, thì làm sao

biết được kiến giải của ta sâu cạn thế nào. Ý ta muốn trình kệ để cầu pháp thì tốt, nhưng đề cầu chức vị Tổ thì không tốt, có khác gì đem tâm phàm phu muốn đoạt lấy địa vị bậc Thánh? Nhưng nếu ta không trình kệ thì rốt cuộc không bao giờ đắc pháp. Thật khó xử, khó xử!”.

Trước phòng Ngũ Tổ có khoảng hành lang, Tổ muốn mời quan Cung phụng Lô Trân đến họa những cảnh biến hóa trong Kinh Lăng Già, và biểu đồ hệ thống đắc pháp của năm vị Tổ để lưu truyền cúng dường. Thần Tú làm kệ xong, nhiều lần muốn đem trình, nhưng mỗi lần đi đến trước phòng Ngũ Tổ thì trong lòng lại run sợ, khắp mình toát mồ hôi, không trình được. Trải qua bốn ngày như vậy, mười ba lần đến trước hành lang, mà vẫn không trình kệ được. Thần Tú nghĩ: “Nay ta cứ viết lên vách hành lang, để Hòa thượng xem. Nếu Ngài dạy được thì ta sẽ ra đánh lễ nhận là Thần Tú làm, còn nếu Ngài phê không xong, thì như vậy chứng tỏ ta đã uổng công bao nhiêu năm tu hành, nhận người lễ bái mà nào có ra chi”.

Canh ba đêm ấy, Thần Tú một mình cầm đèn đi đến vách hành lang phía nam, viết lên bài kệ trình bày chỗ kiến giải của mình:

Thân thị Bồ đề thọ
Tâm như minh cảnh đài
Thời thời cần phát thức
Vật sử nhá trần ai.

(Thân là cây Bồ đề
Tâm như đài gương sáng
Thường hãy siêng lau chùi
Chờ để bụi dơ bám).

Viết kệ xong Thần Tú về phòng, không ai hay biết. Tú lại nghĩ: “Ngày mai Ngũ Tổ thấy bài kệ mà hoan hỷ, tức ta có duyên với Phật pháp. Nếu Ngài dạy không xong, ấy là tự ta mê muội, nghiệp chướng đời trước nặng nề, không đáng đắc pháp. Thánh ý thật khó lường thay!”. Trong phòng một mình lo nghĩ, nằm ngồi không an cho đến canh năm. Tổ đã biết Thần Tú chưa vào được cửa đạo, không thấy tự tánh. Sáng hôm sau, Tổ gọi quan Cung phụng đến vẽ các đồ hình trên vách hành lang phía nam, bỗng Ngài thấy bài kệ, liền bảo:

- Quan Cung phụng, thôi, chẳng cần họa nữa. Thật phiền cho ông từ xa xôi đến, nhưng Kinh dạy, phàm cái gì có tướng đều hư dối, chỉ nên để lại bài kệ này cho mọi người trì tụng. Theo kệ này tu, thì được lợi ích lớn.

Bèn sai môn nhân đốt hương lễ kính, và bảo mọi người hãy tụng bài kệ ấy sẽ được kiến tánh. Môn nhân tụng kệ đều tấm tắc khen hay. Canh ba đêm ấy, Tổ gọi Tú vào phòng, bảo:

- Bài kệ ấy ông làm phải không?

Tú bạch:

- Dạ, chính con làm. Đệ tử không dám vọng cầu Tổ vị, chỉ mong Hòa thượng từ bi xét xem đệ tử có chút trí tuệ nào không?

Tổ dạy:

- Bài kệ ấy chưa thấy tánh, chỉ mới ở ngoài cửa, chưa vào được bên trong. Đem cái kiến giải ấy mà cầu Vô thượng Bồ đề thì hoàn toàn không thể được. Vô thượng Bồ đề là cốt phải ngay nơi lời nói mà biết được bản tâm, thấy được cái bản tánh không sanh, không diệt. Trong tất cả thời, luôn luôn thấy tánh, vạn pháp không làm ngăn ngại, một chơn hết thảy đều chơn, vạn cảnh như như thanh tịnh. Cái tâm như như bình đẳng ấy mới là chơn thật. Nếu thấy như vậy, thì chính đó là tự tánh Vô thượng Bồ đề. Thôi ông hãy lui ra, suy nghĩ thêm vài ngày, làm bài kệ khác đem đến ta xem. Nếu kệ của ông vào được cửa đạo thì ta sẽ trao y pháp cho ông.

Thần Tú đành lễ lui ra, trải qua mấy ngày làm kệ không thành, trong lòng lo sợ, tinh thần bất an, như người trong mộng đứng ngồi không vui.

Lại vài ngày sau có chú tiểu đi ngang nhà già gạo đọc lớn bài kệ. Huệ Năng nghe qua biết bài kệ ấy chưa thấy bản Tánh. Tuy chưa được mong ân giáo hóa mà Năng đã sớm biết đại ý Phật pháp, bèn hỏi đồng tử tụng kệ gì đó. Chú tiểu bảo:

- Cái anh quê mùa này không biết gì cả, Đại sư có dạy người đời sanh tử là việc lớn, Ngài muốn truyền y pháp nên bảo mọi người làm kệ đến trình Ngài xem, ai ngộ đại ý Phật pháp sẽ được trao y pháp làm đệ Lục Tổ. Thượng tọa Thần Tú có viết bài kệ Vô tướng trên vách hành lang phía nam, Đại sư bảo mọi người tụng theo kệ ấy tu thì khỏi đọa ác đạo, theo kệ ấy tu sẽ được lợi ích lớn.

Huệ Năng bảo:

- Thừa thượng nhân, tôi đạp chày đã hơn tám tháng chưa từng lên đến nhà trên, xin thượng nhân dẫn dắt cho tôi đến trước bài kệ để lễ bái.

Chú tiểu dẫn Huệ Năng đến trước bài kệ để làm lễ. Huệ Năng bảo:

- Tôi không biết chữ, xin thượng nhân đọc cho tôi nghe.

Khi ấy có quan Biệt giá đất Giang Châu họ Trương tên Nhật Dụng đứng bên bên lớn tiếng đọc. Huệ Năng nghe xong bên nói:

- Tôi cũng có một bài kệ, xin nhờ quan Biệt giá viết giùm.

Quan Biệt giá nói:

- Anh này mà cũng làm kệ ư! Việc này thật ít có.

Huệ Năng bào quan Biệt giá:

- Muốn học đạo Vô thượng Bồ đề, thì không nên khinh kẻ sơ học. Người hạ lưu đôi khi có trí bậc thượng mà người thượng lưu có thể không có chút trí tuệ nào.

Quan Biệt giá nói:

- Thôi, anh cứ đọc kệ đi, tôi viết cho. Nếu anh đắc pháp, hãy độ cho tôi trước, chớ quên lời này.

Huệ Năng đọc kệ rằng:

Bồ đề bản vô thọ
Minh cảnh diệt phi đài
Bổn lai vô nhất vật
Hà sự nhạ trần ai.

(Bồ đề vốn không cây
Gương sáng cũng không đài
Xưa nay không một vật
Thì bụi bám vào đâu).

Viết xong bài kệ, đồ chúng đều kinh ngạc bảo nhau:

- Lạ thay! Quả không nên xem tướng đoán người. Đâu được sai sử vị nhục thân Bồ tát này mãi như vậy!

Tổ thấy mọi người kinh ngạc tán thán, sợ có kẻ hại bèn lấy giày chà bài kệ mà bảo:

- Bài này cũng chưa thấy tánh.

Chúng đều cho là phải [2].

Hôm sau, Tổ lặng lẽ xuống nhà dưới, thấy Huệ Năng nai lưng giã gạo liên day:

- Người cầu đạo phải gian khổ như thế. Và tiếp hỏi: Gạo giã trắng chưa?

Huệ Năng đáp:

- Dạ trắng đã lâu, chỉ cần người sàng sảy.

Tổ lấy tích trượng gõ cối ba lần rồi bỏ đi. Huệ Năng hiểu ý, canh ba đêm ấy Huệ Năng vào phòng Tổ. Tổ dùng tấm cà sa vây che không cho người thấy (ánh đèn), đạo đọc Kinh Kim cang cho nghe. Đến chỗ “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”. Huệ Năng hoắc nhiên đại ngộ, hết thấy vạn pháp không lìa tự tánh, bèn bạch Tổ rằng:

- Nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh, vốn không sanh diệt, vốn tự đầy đủ, vốn không lay động, có thể sanh muôn pháp.

Tổ biết Năng đã ngộ bản tánh, bảo:

- Không biết bản tâm, thì học đạo vô ích. Nếu biết được tự tâm, thấy được bản tánh, tức thành bậc trượng phu, thầy của trời, người – Phật.

Huệ Năng thọ pháp vào lúc nửa đêm không ai hay biết. Tổ truyền pháp môn đốn ngộ và y bát, bảo:

- Người nay là đệ Lục Tổ, hãy khéo tự giữ gìn, rộng độ chúng sanh, truyền bá cho đời sau, chớ để đứt mắt giống Phật. Hãy nghe, kệ của ta đây:

Hữu tình lai hạ chủng
Nhân địa quả hoàn sanh

Vô tình diệc vô chủng
Vô tánh diệc vô sanh.

Tổ lại bảo:

- Xưa khi Đạt Ma mới đến Trung Hoa, người ta chưa tin nên mới truyền y này để làm tin 1 thể. Chứ các thế hệ Tổ sư ngày xưa truyền pháp đều lấy tâm truyền tâm, để tự ngộ tự giải. Từ ngàn xưa chư Phật cũng chỉ truyền bản thể, chứ Tổ mật phó bản tâm. Còn y là đầu mối của tranh chấp, đến người thì hãy thôi, chớ truyền nữa. Nếu truyền y này, thì tánh mạng như chỉ mảnh treo chuông. Người nên đi ngay kẻo có người hại.

Huệ Năng bạch:

- Bây giờ con nên đi về đâu?

Tổ dạy:

- Gặp đất Hoài thì dừng, gặp đất Hội thì ẩn.

Nửa đêm hôm ấy Năng nhận y bát ra đi, Ngũ Tổ tiễn chân đến bờ sông Cửu Giang. Tổ cùng Huệ Năng lên thuyền. Huệ Năng cầm chèo Tổ bảo:

- Để ta độ con mới phải.

- Khi mê thì thầy độ, ngộ rồi con phải tự độ. Cái danh từ “độ” tuy một mà cách dùng khác nhau. Huệ Năng sanh chốn biên địa tiếng nói không sủa, nhờ ơn thầy phú pháp nay đã được ngộ, thì chỉ nên tự tánh tự độ mà thôi!

Tổ dạy:

- Chính thể! Chính thể! Từ nay về sau, Phật pháp sẽ do con mà đại thịnh. Bây giờ, con hãy nỗ lực đi về hướng nam. Không nên thuyết pháp sớm, sợ sẽ gặp nạn khởi trong Phật pháp.

Huệ Năng từ biệt Tổ, trực chỉ hướng nam, hai tháng sau đến núi Đại Dũ.

Ngũ Tổ trở về, vài hôm sau không ra giảng đường. Chúng nghi, đến hỏi:

- Hòa thượng có đau ốm gì chăng?

- Đau thì không đau, nhưng y bát đã đi về phương nam.

Chúng hỏi:

Ai được truyền thọ?

Đáp:

- Ai có khả năng thì được. (“Năng giả đắc chi” cũng có thể hiểu: Chính Năng ấy được).

Vài trăm người trong chúng đuổi theo để đoạt lại y bát. Một vị Tăng tục tánh Trần, tên Huệ Minh, trước làm tứ phẩm tướng quân, tánh tình hung hãn, quyết chí đuổi cho được, dẫn đầu cả bọn đuổi kịp Huệ Năng. Năng ném y bát trên phiến đá, bảo:

- Y bát này là tín biểu, há đem vũ lực mà đoạt được sao?

Nói xong ẩn vào lùm cây. Huệ Minh đến nhấc không lên, bèn nói lớn:

- Hành giả! Hành giả! Tôi vì pháp mà đến chẳng phải vì y.

Năng bèn bước ra ngồi trên tảng đá, Huệ Minh làm lễ, bạch:

- Mong hành giả thuyết pháp cho tôi.

Huệ Năng bảo:

- Ông đã vì pháp mà đến thì hãy đình chỉ mọi duyên, chớ sanh một niệm. Tôi sẽ nói cho.

Một lát, Huệ Năng bảo:

- Không nghĩ thiện, không nghĩ ác, ngay ngay lúc ấy cái gì là bản lai diện mục của Thượng tọa Huệ Minh?

Huệ Minh ngay lời nói ấy mà đại ngộ, lại hỏi:

- Còn có mật ý gì không?

Huệ Năng bảo:

- Cái ta nói cho ông được thì không còn là mật. Nếu ông tự phản chiếu, thì mật ý ở ngay bên ông.

Minh bảo:

- Huệ Minh tuy ở Hoàng Mai đã lâu mà chưa ngộ được diện mục của mình, nay nhờ Ngài chỉ thị, thật như kẻ uống nước, nóng lạnh tự biết. Nay hành giả chính là thầy của Minh vậy.

Huệ Năng nói:

- Ông nếu biết vậy, thì tôi và ông cùng thờ Tổ sư Hoàng Mai. Hãy khéo tự giữ gìn.

Minh lại hỏi:

- Huệ Minh từ nay về sau nên đi hướng nào?

Huệ Năng đáp:

- Gặp Viên thì dừng, gặp Mông thì ở.

Minh lạy mà từ biệt, xuống đến chân núi Minh bảo chúng bạn:

- Trên ngọn núi kia, không có tung tích gì, hãy đi tìm nơi khác. Chúng tin là phải, Huệ Minh sau đổi tên Đạo Minh để tránh chữ trên của thầy.

Huệ Năng sau đến Tào Khuê lại bị ác nhân săn đuổi, bèn đến đất Tứ Hội ty nạn trong đám thợ săn trải mười lăm năm, tùy nghi thuyết pháp cho họ. Thợ săn thường bảo tôi canh lưới, mỗi khi thấy sanh mạng tôi đều thả ra. Đến bữa ăn, tôi bỏ rau vào nồi thịt, ai hỏi thì đáp chỉ ăn rau bên thịt mà thôi.

Một ngày kia suy nghĩ thấy đã đến thời hoằng pháp, không nên ẩn mãi. Bèn đi đến chùa Pháp Tánh đất Quảng Châu, gặp Ấn Tông Pháp sư đang giảng Kinh Niết Bàn. Nhân hai vị Tăng tranh luận ý nghĩa gió và phan, người bảo gió động, người bảo phan động, cãi nhau không dứt. Huệ Năng đến bảo:

- Không phải gió động cũng chẳng phải phan động, chỉ có tâm của nhân giả động thôi.

Cả chúng nghe đều kinh hãi. Ấn Tông mời lên pháp tòa, hỏi nghĩa lý thâm sâu, thấy Huệ Năng nói lời giản dị mà lý lẽ xác đáng, không do văn tự. Ấn Tông bảo:

- Hành giả quyết không phải là người tầm thường. Lâu nay nghe y pháp đất Hoàng Mai đã truyền về phương Nam, có phải là hành giả chăng?

Huệ Năng đáp:

- Không dám.

Ẩn Tông làm lễ, xin đưa y bát ra cho đại chúng chiêm bái. Ẩn Tông lại hỏi:

- Đại sư Hoàng Mai truyền dạy thế nào?

Năng đáp:

- Không truyền dạy gì cả. Chỉ nói kiến tánh, không nói thiền định giải thoát.

- Tại sao không nói thiền định giải thoát?

- Vì đây là hai pháp, không phải Phật pháp. Phật pháp là pháp không hai.

- Sao gọi Phật pháp không hai?

- Như Pháp sư giảng kinh Niết bàn, nói rõ Phật tánh, đây là pháp không hai của Phật pháp. Như Bồ Tát Cao Quý Đức Vương bạch Phật, phạm bốn giới trọng, làm tội ngũ nghịch và nhất xiển đề v.v..., có dứt thiện căn Phật tánh hay không? Phật đáp: Thiện căn có hai thứ thường và vô thường. Phật tánh thì không thường, không vô thường nên không đoạn được. Đây gọi là không hai. Một là thiện, hai là bất thiện. Phật tánh không thiện, không bất thiện, ấy gọi là không hai. Uẩn và giới, phạm phu thấy hai, bậc trí liễu đạt tánh, nó không hai, tánh không hai ấy là Phật tánh[3].

Ẩn Tông nghe nói hoan hỷ, chấp tay nói:

- Tôi giảng Kinh như ngói gạch, nhân giả nói nghĩa lý như vàng ròng.

Nhân đây thế phát cho tôi nguyện thờ làm thầy. Tôi ở dưới cội Bồ Đề khai diễn pháp môn Đông Sơn.

Huệ Năng này đắc pháp ở Đông Sơn, trải bao gian khổ, mạng như chuông treo chỉ mảnh, ngày nay được cùng chư vị gặp gỡ nơi đây, nếu không phải tiền duyên nhiều kiếp, thì cũng nhờ đời quá khứ cúng dường chư Phật, cùng gieo căn lành, nay mới được nghe căn duyên đắc pháp Đốn giáo như trên.

Pháp Đốn giáo này là do tiên Thánh truyền lại, không phải do trí tôi bịa đặt. Mong chư vị nghe giáo pháp của chư Thánh đời trước, mỗi người hãy tự tịnh tâm ý, nghe xong, hãy tự dứt trừ nghi hoặc, thì cùng với Thánh đời trước không khác.

Chúng nghe xong hoan hỷ đành lễ mà lui.

*[2] Đoạn này tả rất đúng tâm lý “nô lệ thâm quyền” của đại chúng. Tự họ, họ có đủ lương tri phê phán chính xác, nhưng khi nghe một người có thẩm quyền (như Ngũ Tổ) nói ngược lại, họ cũng hòa theo.
[3] (DG chú: Có thể hiểu đoạn này như sau: Phật tánh là tánh biết, như một năng lực, tự nó không thiện, không ác. Thiện ác chỉ do cách dùng, như con dao bén không tốt, không xấu, tốt xấu do kẻ dùng nó để giết hay cứu người)*

PHẨM THỨ HAI - BÁT NHÃ

Hôm sau, Sứ quân họ Vi thỉnh Sư giảng pháp, Sư thăng pháp tòa bảo đại chúng:

- Tất cả hãy tịnh tâm niệm Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa.

Lại bảo:

- Thiện tri thức! Trí Bồ đề Bát nhã thể nhân vốn sẵn có, chỉ do tâm mê không thể tự ngộ, mới phải nhờ đại Thiện tri thức khai thị cho. Nên biết nơi người ngu kẻ trí, Phật tánh vẫn không khác, chỉ vì mê ngộ không đồng mà có ngu có trí. Tôi nay nói pháp Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa, khiến cho các người được trí tuệ. Hãy chí tâm lắng nghe, tôi sẽ nói:

Thiện tri thức! Người đời suốt ngày miệng niệm Bát nhã, mà không biết tự tánh Bát nhã, thì cũng như miệng nói ăn, bụng làm sao no được. Chỉ nói không ngoài miệng thì vạn kiếp cũng không kiến tánh, rốt cuộc không ích gì.

Thiện tri thức! Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa là tiếng Phạm, Trung Hoa dịch là Đại trí tuệ đạo bí ngạn. Đây cốt tâm hành, không cốt miệng niệm, miệng niệm tâm không hành như huyễn như hóa, như sương như chớp.

Miệng niệm tâm hành, thì tâm miệng xứng nhau, bản tánh là Phật, lia tánh không có Phật nào khác.

Sao gọi là Ma Ha? Ma Ha là lớn, tâm lượng rộng lớn như hư không, không bờ bên, không vuông tròn, lớn nhỏ, không xanh vàng đỏ trắng, không trên dưới ngắn dài, không giận, không vui, không phải, không trái, không thiện, không ác, không có đầu đuôi. Các cõi Phật đều như hư không, diệu tánh người đời vốn là không, không có một pháp nào thật có. Tự tánh chơn không cũng như vậy.

Thiện tri thức! Chớ nghe tôi nói không, bèn chấp vào không, cốt nhất đừng chấp không. Nếu không tâm mà tĩnh tọa, tức vướng vào cái không vô ký. Thiện tri thức! Hư không có thể dung chứa vạn vật hình tượng, nhật nguyệt tinh tú, sông núi đất liền, khe nguồn đầm suối, cỏ cây rừng rậm, kẻ thiện người ác, ác pháp thiện pháp, thiên đường địa ngục, hết thủy biến lớn và núi Tu Di đều ở trong hư không. Tánh không của người đời cũng vậy.

Thiện tri thức! Tự tánh có khả năng hàm chứa vạn pháp nên gọi là Đại, vạn pháp ở trong nhân tánh. Nếu thấy sự thiện ác của mọi người, mà tuyệt đối không lấy không bỏ, cũng không nhiễm trước, tâm như hư không, ấy gọi là Đại, nên gọi Ma Ha.

Thiện tri thức! Người mê nói ngoài miệng, bậc trí hành trong tâm. Lại có người mê, không tâm tĩnh tọa, trăm điều không nghĩ tới, tự xưng là đại, hạng người ấy không nên nói tới, vì đó là hạng tà kiến.

Thiện tri thức! Tâm lượng quảng đại, biến mãn khắp pháp giới, về dụng thì mỗi mỗi phân minh, ứng dụng ra thì biết được tất cả là một, một là tất cả, khứ lai tự do, tâm thể không ngại, ấy là Bát nhã. Thiện tri thức! Hết thủy trí Bát nhã đều từ tự tánh sanh, không từ ngoài vào, chớ dụng ý sai lạc, ấy gọi là chơn tánh tự dụng. Một chơn hết thủy đều chơn, tâm lượng là để dung chứa đại sự, không phải để làm những chuyện tiểu tiết[1]. Miệng chớ suốt ngày nói không mà trong lòng không tu hạnh ấy, khác nào dân thường tự xưng vua chúa, rốt cuộc chẳng được cái gì. Hạng ấy không phải đệ tử tôi.

Thiện tri thức! Bát nhã là gì? Bát nhã đời Đường dịch là trí tuệ. Ở mọi nơi mọi lúc, niệm niệm không ngu, thường thực hành trí tuệ, gọi là hành Bát nhã. Một niệm ngu, thì Bát nhã dứt, một niệm trí thì Bát nhã sanh. Người đời ngu mê không thấy Bát nhã, miệng nói Bát nhã mà trong tâm thường ngu, miệng thường tự bảo tôi tu Bát nhã, thường nói không, thì đó không

phải chơn không. Bát nhã không hình tướng đây là cái tâm có trí tuệ. Nếu hiểu như vậy thì gọi là trí Bát nhã.

Sao gọi là Ba La Mật? Đồi Đường dịch là đảo bửu ngạn, giải nghĩa là lìa sanh diệt. Chấp cảnh thì sanh diệt khởi, như nước có sóng, đó là bờ này. Lìa cảnh thì không sanh diệt, như nước chảy thông, gọi là bờ kia, nên nói là Ba la mật. Thiện tri thức! Người mê miệng niệm, mà trong tâm nghĩ điều sai quấy. Nếu có thực hành trong từng niệm, ấy gọi là chơn tánh. Ngộ pháp ấy gọi là ngộ Bát nhã, tu hạnh ấy gọi là hành Bát nhã, không tu là phạm phu, một niệm tu hành thì tự thân đồng với Phật.

Thiện tri thức! Phạm phu tức là Phật, phiền não tức Bồ đề. Niệm trước mê là phạm phu, niệm sau ngộ là Phật. Niệm trước vướng cảnh là phiền não, niệm sau lìa cảnh là Bồ đề. Thiện tri thức! Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa là tối tôn, tối thượng, tối đệ nhất, không ở, không đi, không đến, ba đời chư Phật từ đó mà ra. Hãy vận dụng Đại trí tuệ mà đả phá phiền não trần lao ngũ âm. Tu hành như vậy nhất định thành Phật, biến ba độc thành Giới Định Tuệ.

Thiện tri thức! Pháp môn này của tôi từ một Bát nhã mà sanh ra tám vạn bốn ngàn trí tuệ. Vì sao? Vì người đời có tám vạn bốn ngàn trần lao. Nếu không có trần lao thì trí tuệ thường hiện, không lìa tự tánh. Ngộ được pháp này tức là vô niệm. Không nhớ không đắm, không khởi cuồng vọng, dùng cái tánh chơn như của mình, lấy trí tuệ quán chiếu, đổi hết thấy pháp không lấy không bỏ, tức là kiến tánh thành Phật.

Thiện tri thức! Muốn vào pháp giới thậm thâm và Bát nhã Tam muội, thì phải tu hạnh Bát nhã, trì tụng Kinh Kim Cang, sẽ được kiến tánh. Nên biết công đức này vô lượng vô biên, trong Kinh có khen ngợi rõ ràng, không thể nói xiết. Pháp môn này là tối thượng thừa, vì kẻ đại trí mà nói ra. Người căn nhỏ, trí nhỏ nghe thì tâm không tin, vì sao? Thí như Thiên Long giáng mưa cõi Diêm phù đề, thì thành ấp làng xóm đều tràn trề nước chảy, nếu mưa trên biển lớn thì không giảm không tăng. Hạng người Đại thừa, Tối thượng thừa nghe nói Kinh Kim Cang tâm liền khai ngộ, nên biết tự bản tánh có sẵn trí bát nhã, thường tự dùng trí tuệ quán chiếu nên không nương văn tự. Trăm sông ngàn dòng đều đổ vào biển làm một, trí Bát nhã bản tánh chúng sanh cũng vậy. Thiện tri thức! Kẻ căn nhỏ nghe Đốn giáo này thì như cây cỏ, gốc nhỏ bị mưa lớn phải gãy, không thể lớn lên. Kẻ tiểu căn cũng thế, vốn có trí Bát nhã không khác gì bậc đại trí, nhưng vì sao nghe pháp lại không tự khai ngộ được? Chính vì chướng ngại tà kiến nặng, gốc phiền não sâu, như đám mây lớn che cả mặt trời, gió không thổi tan được nên ánh sáng không hiện

ra. Trí Bát nhã cũng không có lớn nhỏ, nhưng vì chúng sanh tự tâm mê ngộ không đồng.

Người mê chỉ thấy bề ngoài, tu hành tìm Phật, chưa ngộ tự tánh đây là tiểu căn. Nếu khai ngộ Đốn giáo không chấp sự tu bề ngoài, chỉ nơi tự tâm thường khởi chánh kiến, phiền não trần lao không làm ô nhiễm được, tức là kiến tánh.

Thiện tri thức! Trong ngoài không trú, lai khứ tự do, trừ tâm chấp trước, thông suốt không ngăn ngại, nếu tu được hạnh ấy thì không trái với Kinh Bát Nhã. Hết thấy Khế Kinh, văn tự của Đại thừa, Tiểu thừa gồm 12 bộ loại, đều do người mà lập ra, do bản tánh trí tuệ mà kiến lập. Nếu không có người, thì hết thấy vạn pháp đều không có. Cho nên phải biết vạn pháp vốn do người mà hưng khởi, hết thấy Kinh sách đều do người mà lập. Do vì trong loài người có người ngu người trí, ngu là tiểu căn, trí là đại căn. Người ngu hỏi người trí, người trí nói pháp cho người ngu, tâm người ngu bỗng được khai phát, thì khi ấy kẻ ngu không khác gì người trí. Thiện tri thức! Chưa ngộ thì Phật ẩn mất trong chúng sanh, ngộ rồi thì chúng sanh thành Phật. Cho nên phải biết vạn pháp đều ở tự tâm, sao không do nơi tâm mà thấy ngay chơn như bản tánh. Kinh Bồ Tát Giới dạy: “Ta xưa nay tự tánh thanh tịnh”. Ai biết được tự tâm, thấy được bản tánh, thì đều thành Phật đạo. Kinh Tịnh Danh nói: “Tức ngay lúc ấy được lại bản tâm”.

Thiện tri thức! Tôi xưa nay ở nơi Hòa thượng Hoằng Nhẫn, vừa nghe qua một lời mà được ngộ, thấy được chơn như bản tánh, nên mới đem giáo pháp này lưu truyền cho những người học đạo đốn ngộ được trí Bồ đề. Hãy tự quán tâm, tự thấy bản tánh. Nếu tự mình không ngộ, thì phải tìm bậc Đại thiện tri thức, bậc giảng giải pháp Tối thượng thừa để nhờ chỉ thẳng đường chánh. Bậc Thiện tri thức là nhân duyên lớn, giáo hóa dẫn dắt khiến cho được kiến tánh. Hết thấy thiện pháp đều nhờ Thiện tri thức mà có thể phát khởi. Chư Phật ba đời, 12 bộ Kinh đều sẵn đủ trong tâm tánh. Nếu không có thể tự ngộ thì phải cầu Thiện tri thức chỉ dạy phương tiện cho. Người tự ngộ được thì không phải nhờ bên ngoài. Nhưng cứ một bề chấp cần phải có Thiện tri thức mới mong giải thoát thì phi lý. Vì sao? Vì tự tâm vốn sẵn đủ cái tri thức để tự ngộ. Nếu khởi tà mê, vọng niệm điên đảo thì dù có Thiện tri thức bên ngoài dạy bảo, cũng không cứu được. Nếu khởi trí Bát nhã chơn chánh quán chiếu, thì ngay trong một sát na, vọng niệm tiêu diệt. Nếu biết được tự tánh, một phen ngộ rồi liền đến đất Phật.

Thiện tri thức, trí tuệ quán chiếu thì trong ngoài trong suốt, tự biết được bản tâm tức là căn bản giải thoát, mà được giải thoát tức là Bát nhã Tam muội, Bát nhã Tam muội tức là vô niệm. Sao gọi là vô niệm? Nếu thấy hết cả pháp mà tâm không ô nhiễm cũng không vướng mắc, ấy gọi là vô niệm. Hoạt dụng hết thấy chỗ mà không vướng mắc chỗ nào, chỉ cần thanh tịnh bản tâm, để cho sáu thức đi ra sáu cửa, đối với sáu trần không nhiễm, đến đi tự tại thông dụng vô ngại, ấy tức là Bát nhã Tam muội, tự tại giải thoát mới gọi là hạnh vô niệm. Nếu trăm việc không nghĩ tới, khiến cho dứt niệm, thì ấy là bị pháp trói buộc, gọi là thấy một bên.

Thiện tri thức! Người ngộ được pháp vô niệm này thì vạn pháp đều thông, người ngộ được pháp vô niệm thì thấy được cảnh giới chư Phật. Người ngộ được pháp vô niệm thì đến được địa vị chư Phật.

Thiện tri thức! Đòi sau, người được pháp của tôi hãy đem pháp môn đốn giáo này đối trước người đồng kiến đồng hành mà phát nguyện thọ trì như phụng thờ chư Phật. Nếu trọn đời không thôi chuyển thì nhất định được vào địa vị bậc Thánh. Nhưng cần phải trao truyền, không được ẩn giấu chánh pháp. Nếu không gặp người đồng kiến đồng hành, thì không được truyền, hại cho người kia mà rất cuộc vô ích, sợ kẻ ngu không hiểu, chê bai pháp môn này mà trăm kiếp ngàn đời phải đoạn mất giống Phật.

Thiện tri thức! Tôi có một bài tụng Vô tướng, hãy nên tụng trì. Người tại gia, xuất gia chỉ cần nương đây mà tu hành. Nếu không tự tu, chỉ nhớ suông lời nói của tôi thì cũng vô ích. Hãy nghe tôi tụng:

Nói thông và tâm thông
Như nhật nguyệt trên hư không
Chỉ truyền pháp kiến tánh
Ra đời phá tà tông
Pháp không có đốn tiệm
Mê ngộ có chậm mau
Chỉ pháp kiến tánh này
Kẻ ngu không hiểu thấu
Nói ra tuy vạn thứ
Lý chỉ qui về một.
Nhà phiền não tối tăm
Thường nên sanh tuệ nhật
Tâm tà, phiền não đến
Tâm chánh, phiền não trừ

Tà chánh đều không vương
Thanh tịnh đến Vô dư
Tự tánh vốn Bồ đề
Khởi tâm tức thành vọng
Tịnh tâm ngay nơi vọng
Chánh ý tiêu ba chương
Người đời muốn tu đạo
Không có gì ngại ngần
Thường tự thấy lỗi mình
Thì phù hợp với đạo
Mỗi loài tự có đạo
Vốn không ngăn bức nhau
Lìa đạo riêng tìm đạo
Suốt đời không thấy đạo
Bôn ba qua một đời
Rốt cùng phai áo não
Muốn thấy được chơn đạo
Làm chánh ấy là đạo
Tự mình không tâm đạo
Như đêm không thấy đường
Nếu người thật chơn tu
Không thấy lỗi thế gian
Nếu thấy người khác sai
Lỗi mình ngay bên tả
Người quấy ta đừng quấy
Ta quấy tự có lỗi
Chỉ bỏ tâm tà phi
Thì phá trừ phiền não
Ghét yêu chớ quan tâm
Duỗi dài chân nằm nghỉ
Muôn hóa độ cho người
Mình phải có phương tiện
Chớ để người nghi hoặc
Thì tự tánh hiện bày
Phật pháp ở trong đời
Không lìa đời giác ngộ
Lìa đời tìm chánh giác
Chẳng khác tìm sừng thỏ
Chánh kiến là xuất thế
Tà kiến là thế gian

Tà chánh đều bỏ hết
Tánh Bồ đề rõ ràng
Tụng này là Đôn giáo
Cũng là Đại pháp thuyền
Mê nghe Kinh trọn kiếp
Ngộ chỉ một sát na.

Tổ lại dạy:

- Nay tại chùa Đại Phạm tôi nói pháp Đôn giáo này, xin nguyện chúng sanh khắp pháp giới, ngay nơi lời nói mà kiến tánh thành Phật.

Bấy giờ quan Thứ sử họ Vi cùng các quan liêu, xuất gia, cư sĩ, nghe lời Sư dạy, không ai chẳng tỉnh ngộ, đồng thời đánh lễ tán thán: Hay thay! Ngờ đâu đất Lãn Nam này có Phật xuất thế.

PHẨM THỨ BA - GIẢI QUYẾT NGHI HOẶC

Một ngày kia, Thứ sử thiết trai hội cúng dường. Thọ trai xong, Thứ sử thỉnh Sư thăng pháp tòa, cùng quan liêu nho sĩ cung kính đánh lễ hỏi:

- Đệ tử nghe Hòa thượng thuyết pháp thật bất khả tư nghì. Nay có một vài điều nghi, xin Hòa thượng đại từ bi giảng dạy.

Sư dạy:

- Có nghi cứ hỏi, tôi sẽ nói.

- Dạ, những điều Hòa thượng dạy đó có phải là tông chỉ của Tổ sư Đạt Ma không?

- Phải.

- Đệ tử nghe rằng xưa Đạt ma hóa độ Lương Võ Đế, vua hỏi: “Trẫm một đời lập chùa, giúp tăng bố thí lập trai hội, có công đức gì không?” Đạt Ma dạy: “Thật không có công đức gì cả”. Đệ tử chưa hiểu lý ấy, nguyện xin Hòa thượng giảng cho.

Sư dạy:

- Thật không công đức, chớ nghi lời của Thánh nhân xưa. Võ Đế tâm tà, không biết chánh pháp, tạo chùa, độ Tăng, bố thí, thiết lập trai giới là cầu phước, không thể đem phước mà bảo là công đức. Công đức ở ngay nơi Pháp thân, không do tu phước.

Sư dạy:

- Kiến tánh là công, bình đẳng là đức. Trong mỗi niệm không chướng ngại, thường thấy diệu dụng chơn thật của bản tánh gọi là công đức. Trong tâm khiêm hạ là công, ngoài thực hành lễ kính là đức. Tự tánh kiến lập vạn pháp là công, tâm thể ly niệm là đức. Không lìa tự tánh là công, ứng dụng không bị ô nhiễm là đức. Nếu tin Pháp thân công đức thì chỉ theo đây mà làm, ấy là công đức chơn thật. Người tu công đức thì không có tâm khinh rẻ, thường kính trọng tất cả. Nếu tâm thường khinh người, tánh cống cao ngã mạn không đoạn, là vô công. Tự tánh đối trá không chơn thật, là vô đức.

Thiện tri thức! Niệm niệm không gián đoạn là công, tâm thực hành tánh bình trực là đức. Tự tu tánh là công, tự tu thân là đức. Thiện tri thức! Công đức thì cốt thấy trong tự tánh, không phải tìm cầu nơi việc bố thí cúng dường. Vì phước đức và công đức khác nhau. Võ Đế không biết chơn lý, chớ không phải Tổ sư chúng ta nói sai.

Thứ sử lại hỏi:

- Đệ tử thường thấy tại gia, xuất gia niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tây phương, bạch Hòa thượng họ có vãng sanh không? Xin Ngài phá trừ nghi hoặc này cho.

- Sứ quân hãy nghe kỹ, tôi sẽ nói. Đức Thế Tôn ở thành Xá Vệ nói Kinh Tây Phương Dẫn Hóa, có nói rõ ràng cách đây không xa, nếu xét về tướng thì số dặm có tới mười vạn tám ngàn, chỉ cho mười ác, tám tà trong thân, nên nói là xa. Nói xa là vì những người hạ căn mà nói. Nói gần là vì bậc thượng trí. Người có hai hạng, chớ pháp thì không hai. Do mê ngộ có khác mà thấy có chậm mau. Người mê niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, người ngộ tự tịnh tâm m, nên Phật dạy: “Do tâm tịnh mà độ tịnh”.

Kẻ phàm phu liễu đạt tự tánh, không biết Tịnh độ trong tâm, nên nguyện Đông nguyện Tây. Còn người ngộ thì ở đâu cũng thế. Cho nên, Phật dạy: “Tùy sở trú xứ thường an lạc”. (Ở chỗ nào cũng hằng an vui). Nếu Sứ quân được cái tâm địa không có chỗ nào bất thiện, thì Tây phương cách đây không xa. Nếu ô m lòng bất thiện mà niệm Phật cầu vãng sanh thì khó đến.

Nay tôi khuyên cáo Thiện tri thức hãy từ bỏ mười điều ác, tức là đi được mười vạn dặm. Sau trừ tám việc tà là đi thêm tám ngàn dặm. Mỗi niệm thường thấy tánh, thường thực hành bình đẳng và chánh trực, thì đến Tây phương như trong một khay móng tay, bèn thấy Di Đà. Sứ quân chỉ cần thực hành mười thiện nghiệp, thì cần chi phải nguyện vãng sanh. Còn cái tâm không chịu đoạn mười điều ác thì Phật nào mà tới rước. Nếu ngộ được Đôn pháp vô sanh thì thấy Tây phương tức khắc, không ngộ thì niệm Phật cầu vãng sanh, đường xa làm sao tới được. Huệ Năng nay đòi cõi Tây phương đến cho chư vị thấy ngay trước mắt, quý vị có muốn không?

Đại chúng đều thưa:

- Nếu ngay ở đây mà thấy được, thì cần chi phải nguyện vãng sanh? Xin Hòa thượng từ bi hiện cảnh Tây phương cho, khiến tất cả đều được thấy.

Sư dạy:

- Đại chúng! Sắc thân con người là thành, mắt tai mũi lưỡi là cửa, ngoài có năm cửa, trong có cửa ý. Tâm là đất, tánh là vua, vua ở trên đất tâm, tánh ở thì vua ở, tánh đi thì vua đi. Tánh còn thì thân tâm còn, tánh đi thì thân tâm hoại. Phật do nơi tánh mà tìm, chớ tìm bên ngoài thân. Tự tánh mê tức là chúng sanh. Tự tánh giác tức là Phật. Từ bi là Quán Âm, hỷ xả là Thế Chí, năng tịnh là Thích ca, bình trực là Di Đà. Tâm nhân ngã là núi Tu Di, tâm tà vạy là biển cả, tâm phiền não là sóng cồn, tâm độc hại là rồng rắn, tâm dối trá là quỷ thần, tâm trần lao là tôm cá, tham sân là địa ngục, ngu si là súc sanh. Thiện tri thức! Thường làm mười thiện nghiệp, thì thiên đường hiển hiện. Trừ tâm nhân ngã, thì núi Tu Di sụp đổ, bỏ tâm tà vạy thì nước biển khô cạn, không phiền não thì sóng lặng, độc hại tiêu thì cá tôm hết, ngay trên mảnh đất tự tâm, cái giác tánh, tức Phật Như Lai phóng đại quang minh, bên ngoài chiếu ra sáu cửa thanh tịnh, có thể phá được sáu cõi trời Dục giới, tự tánh chiếu bên trong, thì ba độc dứt trừ, các tội báo địa ngục đồng thời tiêu diệt. Trong ngoài sáng suốt thì có khác gì cõi Tây phương? Không tu như thế, thì làm sao đến cõi ấy?

Đại chúng nghe nói, đều thấy rõ tự tánh, đồng đánh lễ tán thán, nguyện khắp pháp giới chúng sanh nghe đều được giải ngộ. Sư dạy:

- Thiện tri thức! Nếu tu hạnh này thì tại gia vẫn tu được, không cần ở chùa. Tại gia làm được vậy thì như người phương Đông mà tâm lành, ở chùa mà không tu thì như phương tây mà làm ác. Chỉ cần tâm thanh tịnh thì tự tánh là Tây phương.

Vi thứ sử hỏi:

- Tại gia làm sao tu hành, xin Đại sư chỉ dạy.

Sư nói:

- Tôi nay nói bài tụng Vô tướng cho đại chúng. Chỉ cần y theo đó mà tu, thì không khác gì cùng ở một chỗ với tôi. Nếu không tu theo đó, thì có cạo tóc xuất gia cũng không ích gì cho đạo. Tụng rằng:

Tâm bình chính là giữ giới
Hạnh thẳng cũng như tu thiền
Ôn thì phụng dưỡng cha mẹ
Nghĩa thì trên dưới thương nhau
Nhượng là tôn ti hòa mục
Nhân thì mọi lỗi không rao
Nêu cưa đợc cây lấy lửa
Bùn đợc quyết mọc sen hồng
Đắng miệng mà là thuốc tốt
Trái tai tức thị lời ngay
Sửa lỗi liền sanh trí tuệ
Ôm lằm tâm chẳng phải hiền
Hằng ngày thường làm việc ích
Hành đạo không do xuất tiền
Bồ đề ngay nơi tâm kiếm
Ích chi hướng ngoại tìm cầu
Nghe giáo nương theo tu hành
Thiên đường ở ngay trước mắt.

Rồi Sư dạy:

- Thiện tri thức! Hãy nương theo đó tu hành mà thấy tánh thành Phật. Pháp không thể đợi, các người nên giải tán. Tôi nay về Tào Khê. Có ai nghi điều gì thì cứ đến hỏi.

Vi thứ sử, quan liêu trong hội cùng thiện nam tín nữ đều đợc khai ngộ, tín thọ phụng hành.

PHẨM THỨ TƯ - ĐỊNH TUỆ

Sư dạy chúng:

- Thiện tri thức! Pháp môn này của tôi, lấy định tuệ làm căn bản. Đại chúng chớ lầm cho rằng định khác tuệ khác. Định tuệ là một, không phải hai. Định là thể của tuệ, tuệ là dụng của định. Khi tuệ thì định ở trong tuệ, khi định thì tuệ ở trong định. Nếu biết nghĩa ấy, tức là định tuệ đồng học. Những người học đạo không nên bảo trước định rồi phát tuệ hay trước tuệ rồi phát định. Thấy như vậy thành ra pháp có hai tướng, miệng nói lời tốt mà trong lòng không tốt, luống có định tuệ một cách vô ích, vì định tuệ không đồng. Nếu tâm miệng đều tốt, trong ngoài như nhau, thì định tuệ quân bình, tự ngộ mà tu hành không do tranh luận. Nếu tranh trước sau thì khác gì kẻ mê không biết được hơn thua, lại thêm ngã chấp pháp chấp, không rời được bốn tướng. Thiện tri thức! Định tuệ như thế nào? Như ánh sáng ngọn đèn, có đèn thì sáng, không đèn thì tối, đèn là thể của ánh sáng, ánh sáng là dụng của đèn, tên tuy có hai, mà thể vốn đồng nhất. Pháp định tuệ cũng như vậy.

Thiện tri thức! Nhất hạnh Tam muội nghĩa là trong tất cả chỗ, đi đứng nằm ngồi, thường thực hành một tâm ngay thẳng. Kinh Tịnh Danh nói: “Tâm ngay thẳng là đạo tràng, tâm ngay thẳng là Tịnh độ”. Chớ có tâm hành quanh co, chỉ nói ngay thẳng ngoài miệng, miệng nói nhất hạnh Tam muội mà không thực hành cái tâm ngay thẳng. Chỉ cần thực hành cái tâm ngay thẳng, đối hết thầy pháp chớ có chấp trước. Kẻ mê vương mắc pháp tướng, chấp nhất hạnh Tam muội bèn cho rằng ngồi bất động một chỗ, tâm không khởi vọng niệm ấy là nhất hạnh Tam muội. Hiểu như vậy thì nhất hạnh Tam muội có khác gì vô tri giác, thành ra nhân duyên chúng đạo.

Thiện tri thức! Đạo cốt ở chỗ lưu thông, sao lại còn ngăn trệ. Tâm không trú pháp, tức là lưu thông. Nếu tâm trú pháp, ấy là tự trói buộc. Còn nói ngồi bất động thì như Xá Lợi Phất ngồi yên trong rừng, bị Duy Ma Cật quở trách.

Thiện tri thức! Lại có kẻ dạy ngồi quán tâm quán tịnh không động không khởi, dụng công như vậy kẻ ngu không hiểu, chấp thành ra bệnh điên. Những người như thế mà dạy lẫn nhau thật ra lầm lạc rất lớn vậy.

Thiện tri thức! Xưa nay Chánh giáo không có đốn tiệm, chỉ tánh người có mau chậm mà thôi. Người mê hiểu đạo dần dần, người ngộ thì tu ngay. Khi đã tự biết bản tâm, tự thấy bản tánh, thì không khác nhau. Do đó mà lập ra giả danh đốn tiệm.

Thiện tri thức! Pháp môn này xưa nay lấy Vô niệm làm Tông, Vô tướng làm thể, Vô trú làm gốc. Vô tướng nghĩa là ngay nơi tướng mà lìa tướng. Vô niệm nghĩa là ngay nơi niệm mà lìa niệm. Vô trú là bản tánh con người đối với thiện ác đẹp xấu ghét yêu ở thế gian, đối với lời xúc chạm đâm thọc khinh bỉ tranh cãi đều coi như không, không nghĩ đến chuyện trả đũa, trong từng mỗi niệm không nhớ cảnh trước. Nếu niệm trước niệm này niệm sau nối nhau không dứt, ấy gọi là trói buộc, nếu đối các pháp không trú vào niệm nào thì không bị trói buộc nữa. Ấy gọi là Vô trú làm Gốc.

Thiện tri thức! Ngoài lìa hết thấy tướng gọi là Vô tướng. Nếu lìa được tướng thì pháp thể thanh tịnh, ấy là lấy Vô tướng làm Thể. Thiện tri thức! Đối các cảnh tâm không nhiễm gọi là Vô niệm, nghĩa là ngay nơi niệm mình thường lìa cảnh, không đối cảnh sanh tâm. Nếu chỉ có trăm việc không nghĩ tới, bỏ hết các niệm, một niệm dứt tức là chết sanh cõi khác, ấy là lầm to. Kẻ học đạo nên suy nghĩ, nếu không biết được ý Phật pháp thì đã tự lầm mà còn làm cho kẻ khác lầm. Tự mình đã mê không thấy, lại còn hủy báng Kinh Phật. Cho nên lập Vô niệm làm Tông.

Thiện tri thức! Sao gọi là lập Vô niệm làm Tông? Vì kẻ mê miệng nói kiến tánh, mà đối cảnh lại khởi niệm, từ đây tà kiến, trần lao vọng tưởng phát sanh. Tự tánh vốn không có một pháp nào, nếu nói có pháp, vọng chấp họa phúc, ấy là trần lao tà kiến, cho nên pháp môn này Vô niệm làm Tông.

Thiện tri thức! Vô ấy là vô cái gì? Niệm là niệm cái gì? Vô là không hai tướng, không có cái tâm trần lao. Niệm là niệm chơn như bản tánh, chơn như là thể của niệm, niệm là dụng của chơn như. Tự tánh chơn như khởi niệm, chứ không phải mất tai mũi lưỡi khởi niệm được, chơn như có tánh, cho nên khởi niệm, nếu chơn như không có, thì khi ấy mất tai, sắc thanh liền hoại.

Thiện tri thức! Tự tánh chơn như khởi niệm, thì sáu căn tuy có thấy nghe hay biết mà không nhiễm vạn cảnh, chân tánh thường tự tại, nên Kinh dạy: “Khéo phân biệt các pháp tướng, thì đối với đệ nhất nghĩa được tánh bất động.”

PHẨM THỨ NĂM - DIỆU HẠNH

Sư dạy chúng:

- Pháp môn tọa thiền này nguyên không dính mắc tâm, cũng không dính mắc tịnh, cũng không phải động. Nếu nói dính mắc tâm, tâm vốn là vọng, biết tâm như huyền nên không chỗ dính mắc. Nếu nói dính mắc nơi tịnh, thì tánh vốn thanh tịnh, chỉ do vọng niệm che lấp chơn như, chỉ cần không vọng tưởng thì tánh tự thanh tịnh. Khởi tâm dính mắc tịnh, bèn sanh vọng chấp về tịnh, vọng vốn không có chỗ, dính mắc là vọng. Tịnh không hình tướng, lập ra tướng tịnh cho đây là công phu, kiến chấp như vậy ngăn che tự tánh, thành bị tịnh trói buộc.

Thiện tri thức! Người tu hạnh bất động thì chỉ cốt khi thấy mọi người, không thấy chuyện phải trái tốt xấu hay dở của họ, ấy là tự tánh bất động.

Thiện tri thức! Người mê thân tuy không động mà mở miệng là nói toàn việc phải trái tốt xấu ngắn dài của kẻ khác thật trái với đạo. Nếu dính mắc vào tâm, dính mắc vào tịnh, ấy là chướng ngại đạo vậy.

Thiện tri thức! Sao gọi là tọa thiền? Trong pháp môn này không chướng không ngại, bên ngoài đối hết thấy cảnh thiện ác, không khởi tâm niệm gọi là tọa, bên trong thấy tự tánh bất động gọi là thiền.

Thiện tri thức! Sao gọi là thiền định? Ngoài lìa tướng là thiền, trong không loạn là định. Ngoài nếu chấp tướng, trong tâm bèn loạn; ngoài mà lìa tướng, thì tâm không loạn, bản tánh tự tịnh tự định. Chỉ vì thấy cảnh, tư duy về cảnh mới loạn, nếu thấy cảnh tâm không loạn đây là định chơn chánh.

Thiện tri thức! Ngoài lìa tướng tức thiền, trong không loạn tức định. Ngoài thiền trong định gọi là thiền định. Kinh Bồ Tát Giới dạy: “Ta xưa nay tự tánh thanh tịnh”.

Thiện tri thức! Trong từng mỗi niệm hãy tự thấy bản tánh thanh tịnh, tự tu tự hành, tự thành Phật đạo.

PHẨM THỨ SÁU - SÁM HỐI

Bấy giờ, Đại sư thấy bốn phương trí thức và thường dân ở Quảng-Thiền đều đến núi nghe pháp, bèn thăng tòa bảo chúng:

- Lại đây, Thiện tri thức! Việc này nên từ tự tánh khởi, trong tất cả thời, thường tự tịnh tâm mình, tự tu hạnh mình, thấy Pháp thân của mình, tự thấy Phật trong tâm mình. Tự độ tự thành mới được, không cần đến đây. Các ngài đã từ xa xôi đến tập hội, đều có duyên với nhau, vậy hãy đồng quỳ xuống, trước tiên tôi sẽ truyền cho năm phần hương của tự tánh Pháp thân, rồi trao pháp sám hối Vô tướng.

Chúng đều quỳ, Sư dạy:

- Thứ nhất, giới hương, là tự tâm không quấy, không ác, không ganh ghét, không tham sân, không cướp hại, gọi là giới hương.

Hai định hương, là thấy cảnh tướng thiện ác tự tâm không loạn.

Ba là tuệ hương, là tự tâm không ngại, thường đem trí tuệ quán chiếu tự tánh, không tạo các ác. Tuy tu các điều lành mà tâm không vướng mắc, kính trên thương dưới, xót thương kẻ cô độc nghèo cùng, gọi là tuệ hương.

Bốn giải thoát hương, là tự tâm không vin theo duyên, không nghĩ thiện, không nghĩ ác, tự tại vô ngại, gọi là giải thoát hương.

Năm giải thoát tri kiến hương, là tự tâm không chạy theo thiện ác, không chìm nơi không, kẹt nơi tịch, mà cần học rộng nghe nhiều, biết tự bản tâm thông đạt lý của chư Phật, hòa ánh sáng tiếp độ mọi người, tâm không nhân ngã thẳng đến Bồ đề, chơn tánh không dòi dôi. Ấy là giải thoát tri kiến hương. Thiện tri thức! Hương này mỗi người tự xông bên trong, chớ tìm ở ngoài.

Nay tôi lại vì các người mà trao pháp sám hối Vô tướng, diệt tội ba đời, khiến được ba nghiệp thanh tịnh. Thiện tri thức, hãy nói theo lời tôi:

- “Đệ tử chúng con, từ niệm trước, niệm này và niệm sau, mỗi niệm đều không bị u mê ô nhiễm, từ trước có bao nhiêu tội ác nghiệp u mê, đều xin sám hối, nguyện một lần tiêu diệt, vĩnh viễn không khởi lại.

Đệ tử chúng con, từ niệm trước, niệm này đến niệm sau, mỗi niệm không bị kiêu căng dôi trá làm ô nhiễm, từ trước có bao nhiêu ác nghiệp kiêu căng dôi trá nay đều sám hối, nguyện một lần tiêu diệt, vĩnh viễn không khởi lại.

Đệ tử chúng con, từ niệm trước, niệm này tới niệm sau, mỗi niệm không bị ganh ghét làm ô nhiễm, từ trước có bao nhiêu ác nghiệp ganh ghét đều xin sám hối, nguyện một lần tiêu diệt, vĩnh viễn không khởi lại”.

Thiện tri thức! Trên đây là pháp sám hối Vô tướng. Sao gọi là sám? Sao là hối? Sám là sám tội trước, từ trước có bao nhiêu ác nghiệp, các tội u mê kiêu mạn dối trá ganh ghét v.v ... đều sám hối cả, vĩnh viễn không tái phạm, ấy gọi là sám. Hối là hối lỗi về sau, từ nay trở đi, bao nhiêu ác nghiệp u mê kiêu mạn v.v ... nay đã giác ngộ, đều xin vĩnh viễn dứt trừ, không tái phạm, ấy gọi là hối. Do đó gọi là sám hối. Kẻ phàm phu ngu muội chỉ biết sám lỗi trước mà không biết hối lỗi sau, vì không hối nên tội trước không diệt, lỗi sau lại sanh. Tội trước không diệt, tội sau sanh lại, thì sao gọi là sám hối được.

Thiện tri thức! Đã sám hối rồi, nay lại phải phát bốn nguyện lớn. Hãy chú tâm nghe kỹ.

Tự tâm chúng sanh vô biên thệ nguyện độ.
Tự tâm phiền não vô biên thệ nguyện đoạn.
Tự tánh pháp môn vô lượng thệ nguyện học.
Tự tánh Vô thượng Phật đạo thệ nguyện thành.

Thiện tri thức! Quý vị vừa nói: “Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ”. Vì sao nói vậy, ấy có nghĩa không phải Huệ Năng này độ. Chúng sanh trong tâm chính là cái tâm tà mê, tâm dối trá, tâm bất thiện, tâm ganh ghét, tâm ác độc, những tâm như vậy đều gọi là tâm chúng sanh, mỗi người phải dùng tự tánh tự độ, ấy mới là chơn thật độ. Sao gọi là tự tánh tự độ? Nghĩ là trong tâm có những chúng sanh như tà kiến, phiền não, ngu si, thì phải đem chánh kiến mà độ chúng. Đã có chánh kiến thì phải dùng trí Bát nhã đánh đổ ngu si mê vọng, mỗi mỗi chúng sanh phải tự độ lấy. Tà đến thì lấy chánh để độ, mê đến thì lấy ngộ độ, ngu đến lấy trí độ, ác đến lấy thiện độ, độ như thế gọi là chơn chánh độ.

Lại “Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn” là đem trí Bát nhã của tự tánh mà trừ bỏ tâm tưởng hư vọng.

“Pháp môn vô lượng thệ nguyện học” là cốt tự thấy tánh, thường thực hành Chánh pháp, ấy mới là chơn chánh học tập.

“Phật đạo Vô thượng thệ nguyện thành” là thường sanh tâm khiêm hạ, thực hành Chánh đạo lià mê lià giác, thường sanh Bát nhã, trừ chơn trừ vọng, liền

thấy Phật tánh, thì nói ra bèn thành Phật đạo. Thường nhớ nghĩ việc tu hành, ấy là năng lực của thế nguyện.

Thiện tri thức! Đã phát bốn hoằng thế nguyện xong, nay tôi lại truyền giới ba Quy y Vô tướng cho quý vị:

Thiện tri thức! Quy y giác, lưỡng túc tôn. Quy y chánh, ly dục tôn. Quy y tịnh, chúng trung tôn. Từ nay trở đi, xưng Giác làm Phật, không trở lại quy y tà ma ngoại đạo. Vì Tam Bảo nơi tự tánh thường tự chứng minh, nên tôi khuyên Thiện tri thức hãy quy y tự tánh Tam Bảo: Phật là Giác, Pháp là Chánh, Tăng là Tịnh.

Tự tâm Quy y Giác, thì tà mê không sanh, ít muốn biết đủ, lìa được tài sắc gọi là Lưỡng Túc Tôn.

Tự tâm Quy y Chánh, trong mỗi mỗi niệm đều không tà kiến, do không tà kiến nên không có tâm nhân ngã cống cao tham ái chấp trước, gọi là Ly Dục Tôn.

Tự tâm Quy y Tịnh, đối với hết thảy cảnh trần lao ái dục tự tánh tuyệt đối không ô nhiễm mắc vướng, gọi là Chúng Trung Tôn. Tu hạnh ấy gọi là Tự quy y. Kẻ phàm phu không hiểu, ngày đêm cứ thọ giới tam quy, nhưng nói Quy y Phật, thì Phật ở chỗ nào? Nếu không thấy Phật thì dựa vào đâu mà quay về? Thành ra nói sai vậy.

Thiện tri thức! Hãy tự quán sát, chớ dụng tâm sai. Kinh nói rõ Tự quy y Phật là nương Phật nơi mình, không nói quy y Phật khác, Phật nơi mình không nương thì không có chỗ nào nương. Nay đã tự ngộ, quý vị hãy quy y Tam Bảo của tự tâm. Trong điều phục tâm tánh, ngoài kính trọng mọi người, gọi là Tự quy y vậy. Thiện tri thức! Đã quy y Tam Bảo của tự tâm xong, hãy chí thành nghe ba thân của Tự tánh Phật. Tất cả hãy nói theo tôi.

Nơi sắc thân này, quy y Thanh Tịnh Pháp Thân Phật.

Nơi sắc thân này, quy y ngàn trăm ức Hóa Thân Phật.

Nơi sắc thân này, quy y Viên Mãn Báo Thân Phật.

Thiện tri thức! Sắc thân là nhà không thể nói nương về.

Thiện tri thức! Ba thân Phật ở ngay trong tự tánh, người đời đều có, chỉ vì tự tâm mê, không thấy tánh nên đi tìm ba thân Phật ở ngoài, không thấy trong

tự thân có ba thân Phật. Hãy nghe đây, tôi sẽ chỉ cho quý vị thấy ba thân Phật trong tự tánh. Ba thân Phật từ tự tánh sanh, không do ngoài mà có.

Sao gọi là Thanh Tịnh Pháp Thân? Người đời tánh vốn thanh tịnh, vạn pháp từ tự tánh sanh, suy nghĩ mọi việc ác thì sanh khởi mọi hành động ác, suy nghĩ mọi việc lành thì sanh hành động thiện. Như vậy, các pháp đều do nơi tự tánh, như trời thường trong, mặt trăng mặt trời thường sáng, chỉ vì mây che mà trời đất mù mịt hôn ám. Nếu gặp gió thổi mây tan, thì trời đất đều quang minh, mọi vật hiện rõ. Người đời tánh thường trôi nổi như đám mây kia. Thiện tri thức! Trí như mặt trời, tuệ như mặt trăng, trí tuệ thường sáng. Ngoài vướng cảnh thì tự tánh tuệ thường sáng. Ngoài vướng cảnh thì tự tánh bị đám mây vọng niệm ngăn che không được quang đặng. Nếu gặp thiện tri thức, nghe chánh pháp tự trừ mê vọng, trong ngoài sáng suốt, thì nơi tự tánh vạn pháp hiện rõ. Người kiến tánh cũng vậy. Thế gọi là Thanh Tịnh Pháp Thân Phật.

Thiện tri thức! Tự tâm quy y tự tánh đó là quy y Phật thật. Tự quy y có nghĩa là trừ khử nơi tự tánh những tâm bất thiện, tâm ganh ghét, tâm dua nịnh quanh co, tâm dối trá, tâm khinh người, tâm kiêu ngạo tà kiến, cùng mọi hành vi bất thiện trong mọi lúc. Thường tự thấy lỗi mình, không nói điều tốt xấu của người khác ấy là Tự quy y. Thường phải có tâm khiêm hạ, kính trọng mọi người, ấy là kiến tánh thông đạt, không còn trở ngại, ấy là Tự quy y.

Sao gọi là Thiên Bách Úc Hóa Thân? Khi vạn pháp không nghĩ, thì tánh vốn hư không, khi khởi một niệm suy lường, thì gọi là biến hóa. Suy nghĩ việc ác hóa ra địa ngục, suy nghĩ việc lành hóa ra thiên đường, độc hại hóa ra rồng rắn, từ bi hóa ra Bồ tát, trí tuệ hóa làm cõi trên, ngu si hóa thành phương dưới. Tự tánh biến hóa rất nhiều, người mê không thể tỉnh giác, niệm niệm thường khởi ác, thường đi đường ác, nếu quay về một niệm lành, liền phát sanh trí tuệ. Đây gọi là tự tánh Hóa Thân Phật.

Sao gọi là Viên Mãn Báo Thân? Ví như một ngọn đèn có thể trừ bóng tối ngàn năm, một trí tuệ có thể diệt cái ngu vạn năm. Đừng nghĩ chuyện về trước, vì đã qua không trở lại. Thường nghĩ về sau, niệm niệm viên minh, tự thấy bản tánh, thiện ác tuy khác mà bản tánh không hai, tánh không hai ấy là thật tánh. Trong thật tánh không nhiễm thiện ác, đây là Viên Mãn Báo Thân Phật. Tự tánh khởi một niệm ác, thì tiêu diệt nhân lành vạn kiếp. Tự tánh khởi một niệm lành, thì dứt được hằng hà sa ác, thẳng đến Vô thượng Bồ đề. Trong từng mỗi niệm tự thấy tánh, gọi là Báo Thân.

Thiện tri thức! Từ Pháp Thân mà tư lượng tức là Hóa Thân Phật, trong từng mỗi niệm tự thấy bản tánh gọi là Báo Thân Phật. Tự ngộ, tự tu, tự tánh công đức, ấy là Quy y chơn thật. Sắc thân bằng da thịt này chỉ như một cái nhà (sẽ hư hoại) không thể nương được. Cho nên phải ngộ ba thân của tự tánh, mới được biết Đức Phật của tự tâm. Tôi có một bài tụng Vô tướng, nếu tụng và hành trì, thì tội lỗi mê lầm tích chứa nhiều kiếp liền tiêu. Tụng rằng:

Người mê tu phước không tu đạo
Cho rằng tu phước ấy là đạo
Bồ thí cúng dường phước vô biên
Ba độc trong tâm xưa nay tạo
Toan đem tu phước mong diệt tội
Đời sau được phước, tội còn nguyên
Chỉ ngay trong tâm trừ mầm tội
Ngay nơi tự tánh chơn sám hối
Được ngộ chơn sám hối Đại thừa
Trừ tà làm chánh liền không tội
Học đạo thường quán nơi tự tánh
Thì liền đồng bậc với chư Phật
Tổ ta chỉ truyền Đốn pháp này
Nguyện cho tất cả đồng thấy tánh
Nếu tương lai muốn tìm Pháp thân
Lìa hết pháp tướng tẩy sạch tâm
Nỗ lực kiến tánh chớ biếng trễ
Niệm xong chợt dứt là xong đời
Nếu ngộ pháp Đại thừa kiến tánh
Chấp tay thành khẩn chí tâm cầu.

Thiện tri thức! Tất cả hãy tụng thuộc, theo đó mà tu, thấy được tánh, thì tuy xa tôi ngàn dặm vẫn như ở gần bên. Nếu không nghe lời này, thì dù có đối diện cũng cách xa thiên lý. Chúc đi bình an!

Chúng nghe pháp không ai là chẳng khai ngộ, hoan hỷ phụng hành.

PHẨM THỨ BẢY - CƠ DUYÊN

Sư từ Hoàng Mai đắc pháp, về đến Thiệu Châu, thôn tào Khê, không ai biết. Bấy giờ, có nho sĩ Lưu Chí Lực, cúng dường trong hậu. Chí Lực có người

cô làm Ni tên Vô Tận Tạng thường tụng Kinh Đại Niết Bàn. Sư vừa nghe qua đã biết ý nghĩa thâm diệu, bèn giải nói. Ni bèn cần quyển Kinh hỏi chữ. Sư bảo:

- Chữ thì không biết cứ hỏi nghĩa đi.

Ni bảo:

- Chữ mà không biết làm sao hiểu nghĩa?

Sư dạy:

- Diệu lý của chư Phật can hệ gì văn tự?

Ni kinh dị, bảo khắp bậc kỳ đức trong làng rằng: “Đây là bậc Đại sĩ, nên thỉnh cúng dường”.

Bấy giờ, có Tào Thúc Lương cháu nội Ngụy Võ Hầu cùng với dân làng đến lễ bái. Cổ tự Bảo Lâm từ cuối đời Tùy bị tàn phá vì binh lửa, nay ở nền cũ, họ xây lại một ngôi chùa thỉnh Sư đến an trú, chẳng bao lâu đã thành bảo địa. Sư an trú được chín tháng hơn, lại bị bọn ác nhân săn tìm. Sư lánh vào ngọn núi phía trước, bị bọn bên kia phóng hỏa. Sư bèn ẩn thân trong đá mà thoát được. tảng đá ấy nay còn dấu ngôi kiết già của Sư, cùng với lẫn y trải ra, do đó mang tên là đá ty nạn. sư nhớ lời ngũ Tổ dặn dừng ở Hoài, ẩn ở Hội, nên đã ở hai nơi ấy.

Tăng Pháp Hải, người ở Khúc Giang thuộc đất Thiều Châu, khi mới đến tham bái Tổ sư, hỏi rằng:

- Tức tâm tức Phật là sao? Xin thương xót chỉ dạy.

Sư dạy:

- Niệm trước không sanh tức tâm, niệm sau không diệt tức Phật. thành hết thấy tướng tức tâm, lìa hết thấy tướng tức Phật. Nếu nói đủ, trọn kiếp không cùng. Hãy nghe kệ của ta:

Tức tâm là tuệ
Tức Phật là định
Định tuệ quân bình
Ý thường thanh tịnh

Ngộ pháp môn này
Do người tập tánh
Dụng vốn vô sanh
Song tu là chánh.

Pháp Hải đại ngộ, bèn làm kệ tán thán:

Tức tâm nguyên là Phật
Không ngộ nên tự khuất
Tôi biết nhân định tuệ
Song tu lìa các vật.

Tăng Pháp Đạt người ở Hồng Châu, bảy tuổi xuất gia thường tụng Kinh Pháp Hoa, đến lễ Tổ, đầu không chấm đất.

Tổ quở rằng:

- Lạy mà đầu không sát đất, sao bằng đừng lạy. Trong lòng ngươi chắc còn một vật. Ôm giữ cái gì thế?

Đáp:

- Niệm Kinh Pháp Hoa đã đến ba ngàn bộ.

Tổ dạy:

- Dù niệm tới vạn bộ, hiểu được ý Kinh, cũng không lấy làm đắc thắng, mới là cùng ta đồng hành. Người nay đã phụ sự nghiệp ấy mà tuyệt nhiên không biết lỗi. Hãy nghe kệ của ta:

Lạy cốt bề cờ kiêu
Đầu nếu không sát đất
Có ngã tội liên sanh
Quên công phước vô lượng.

Sư lại dạy:

- Ngươi tên chi?

- Tên Pháp Đạt.

- Ngươi tên Pháp Đạt, mà chưa từng đạt Pháp.

Lại nói kệ rằng:

Ngươi nay tên Pháp Đạt
Siêng tụng chưa từng nghỉ
Luông đọc theo âm thanh
Minh tâm mới Bồ Tát
Ngươi nay có nhân duyên
Ta sẽ vì ngươi nói
Tin rằng Phật vô ngôn
Hoa sen từ miệng xuất.

Đạt nghe kệ sám hối mà thưa:

- Từ nay trở đi, con xin khiêm hạ với tất cả. Đệ tử tụng Kinh Pháp Hoa mà chưa từng hiểu nghĩa, tâm thường nghỉ. Hòa thượng trí tuệ quảng đại, xin từ bi nói tóm lược nghĩa lý cho con.

- Pháp Đạt! Pháp tức rất đạt, mà tâm ngươi không đạt. Kinh vốn không nghỉ, tâm ngươi tự nghỉ. Kinh này lấy gì làm tông?

- Bạch, đệ tử căn tánh tối chậm lâu nay chỉ theo văn mà tụng niệm đâu biết tông thú. Xin Hòa thượng chỉ dạy cho.

- Ta không biết chữ, ngươi thử cầm Kinh đọc một lượt, ta sẽ giảng cho.

Pháp Đạt bèn cao giọng đọc, đến phẩm Thí Dụ, Sư bảo:

- Thôi! Kinh này nguyên lai lấy nhân duyên Phật xuất thế làm tông. Dù có nói lắm ví dụ cũng không ngoài ý này. Nhân duyên là sao? Kinh dạy: “Chư Phật Thế Tôn duy vì một đại sự nhân duyên mà hiện ra đời”. Một đại sự ấy chính là tri kiến Phật vậy. Người đời bên ngoài thì mê chấp tướng, bên trong thì mê chấp không. Nếu có thể nơi tướng mà lìa tướng, nơi không mà lìa không, tức là trong ngoài đều không mê. Ngộ được pháp ấy, một niệm tâm khai, ấy là mở tri kiến Phật. Phật là giác. Giác chia ra bốn môn: Khai giác tri kiến, thị giác tri kiến, ngộ giác tri kiến, nhập giác tri kiến. Nếu nghe khai thị, có thể ngộ nhập, thì giác tri kiến, chơn tánh xưa nay được xuất hiện. Người thật trọng chớ hiểu lầm ý Kinh, thấy Kinh nói khai thị ngộ nhập, mà cho rằng đó là tri kiến Phật, còn ta không có gì. Nếu hiểu như vậy là hủy báng Kinh, chê bai Phật vậy. Phật đã là Phật, đã đủ tri kiến thì còn khai mở làm gì. Người nên tin rằng, Phật tri kiến ấy là chỉ tự tâm ngươi, ngoài ra không có Phật nào khác. Bởi vì hết thấy chúng sanh tự che lấp ánh quang minh của

mình, tham ái trần cảnh, vì cơ hội ở ngoài, vì rối loạn bên trong mà chịu rong duỗi, phiền cho Thế Tôn phải xuất khỏi Tam muội mà nói đủ lời khắc khổ để khuyên hãy dừng nghỉ, chớ hướng ngoại tìm kiếm, thì cùng với Phật không khác, nên gọi là khai Phật tri kiến.

Tôi khuyên mọi người ngay nơi tự tâm mình, thường khai tri kiến Phật. Người đời tâm tà, ngu mê tạo tội, miệng lành tâm ác, tham sân ganh ghét, đua nịnh kiêu căng, tổn người hại vật, như vậy là tự mở cái tri kiến chúng sanh ra. Nếu chánh tâm lại, thường phát sanh trí tuệ, quán chiếu tự tâm, dứt ác làm lành, đó là tự khai tri kiến Phật. Các người nên thường khai tri kiến Phật trong từng mỗi niệm, chớ có khai tri kiến chúng sanh gọi là thế gian. Nếu các người cứ chuyên một mực khó nhọc giữ chặt niệm không buông cho là công phu, thì có khác gì loài trâu mền tiếc cái đuôi của nó.

Pháp Đạt hỏi:

- Nếu vậy thì chỉ cần hiểu nghĩa lý, không cần tụng Kinh hay sao?

Sư dạy:

- Ý Kinh có lỗi gì mà phải ngăn cấm người niệm. Mê ngộ ở nơi người, hại hay là lợi đều do ở nơi mình mà ra. Miệng tụng tâm hành, ấy là chuyển được Kinh. Miệng tụng tâm không hành, ấy là bị Kinh chuyển. Hãy nghe kệ của ta:

Tâm mê Pháp Hoa chuyển
Tâm ngộ chuyển Pháp Hoa
Tụng Kinh lâu không hiểu
Vớ nghĩa lý thành thù
Vô niệm niệm là chánh
Có niệm niệm thành tà
Có không không đếm xỉa
Xe trâu trắng thường ngồi.

Pháp Đạt nghe kệ đại ngộ, bất giác rơi lệ, bạch Sư rằng:

- Pháp Đạt từ xưa đến nay, quả thật chưa từng chuyển Pháp Hoa, mà lại bị Pháp Hoa chuyển.

Lại bạch:

- Kinh dạy các bậc đại Thanh Văn đến Bồ Tát đều hợp sức cùng suy lường mà cũng không lường được trí Phật. Nay Ngài bảo kẻ phàm phu chỉ cần tự ngộ tâm thì gọi là tri kiến Phật. Điều ấy nếu không phải bậc thượng căn thì không khỏi nghi hoặc. Lại Kinh dạy ba xe: xe dê, xe hươu và xe trâu trắng, khác nhau thế nào? Xin Hòa thượng từ bi khai thị cho.

Sư dạy:

- Kinh thật rõ, chỉ nguoi tự mê. Những người trong ba thừa Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát sở dĩ không thể suy lường được trí Phật, lỗi chính là tại suy lường. Nhiều người tận lực cùng nhau suy lường thì lại càng thêm sai, Phật vì phàm phu mà nói. Lý này nếu không chịu tin thì phải rút lui khỏi giảng đường theo những vị kia trong Kinh, tuyệt nhiên không biết mình đã ngồi trên xe trâu trắng lại ra ngoài cửa đi tìm ba xe. Huống nữa văn kinh nói rõ với nguoi rằng chỉ có Phật thừa, không có thừa nào khác, dù hai hay ba, cho đến vô số phương tiện diễn nói như nhân duyên, thí dụ v.v... (trong mười hai bộ loại), tất cả pháp này để nói lên một Phật thừa duy nhất. Sao nguoi không tỉnh ngộ ba thừa là giả, vì thời quá khứ mà nói; một thừa là thật, vì thời hiện tại mà nói; chỉ dạy nguoi bỏ giả quay về thật, sau khi quay về thật thì cái thật ấy cũng không có tên. Nên biết bao nhiêu của cải châu báu đều thuộc về nguoi, tùy nguoi thọ dụng đến không còn nghĩ tưởng về cha, cũng không nghĩ tưởng về con, cũng không còn cái tưởng nghĩ về thọ dụng, ấy gọi là trì Kinh Pháp Hoa, từ kiếp này qua kiếp khác tay không rời Kinh, đêm ngày không lúc nào không niệm Kinh vậy.

Đạt nhờ khai phát, tâm thư thái hoan hỷ làm kệ rằng:

Tụng Kinh ba ngàn bộ
Tào Khê một câu quên
Chưa rõ nghĩa xuất thế
Khó dứt mê nhiều đời
Dê hươu trâu giả đặt
Đầu giữa cuối khéo phô
Ai ngờ trong nhà lửa
Vốn sẵn đáng Pháp Vương.

Sư dạy:

- Nguoi từ nay trở đi mới đáng gọi là ông thầy niệm Kinh vậy.

Pháp Đạt lãnh hội ý chỉ sâu xa, từ đây tiếp tục tụng Kinh không dứt.

Tăng Trí Thông, người đất An Phong, Thọ Châu, lúc đầu xem Kinh Lăng Già có đến hơn ngàn lần mà không hiểu ba thân bốn trí, đành lễ Sư xin giải nghĩa ấy. Sư dạy:

- Ba thân là: Thanh tịnh Pháp thân, tức tánh của ông. Viên mãn Báo thân, tức trí của ông. Thiên bách ức Hóa tức thân, hạnh của ông. Nếu lia bản tánh mà nói ba thân tức là có thân không trí, nếu ngộ ba thân không có tự tánh ấy gọi là bốn trí Bồ đề. Hãy nghe kệ của ta:

Tự tánh đủ ba thân
Phát minh thành bốn trí
Chẳng rời duyên thấy nghe
Tự nhiên lên đất Phật
Ta nay bảo ông biết
Tin chắc tuyệt không mê
Chớ học kẻ tìm gương [4]
Trọn ngày nói Bồ đề.

Thông lại hỏi:

- Nghĩa của bốn trí là sao, xin cho con được nghe?

- Đã hiểu ba thân thì cũng rõ luôn bốn trí, sao còn hỏi nữa? Nếu lia ba thân mà nói bốn trí ấy là có trí không thân, có trí như vậy cũng thành không trí.

Sư lại dạy bài kệ:

Đại viên cảnh Trí là tánh thanh tịnh
Bình đẳng tánh Trí là tâm không tịnh
Diệu quan sát Trí thấy như không
Thành sở tác Trí giống viên cảnh
Năm tám chuyển quả, sáu bảy nhân
Chỉ dùng tên gọi không thật tánh
Nếu cảnh đổi thay tình không đằm [5]
Tha hồ an trú trong đại định

Trên đây là chuyển thức thành trí vậy. Giáo lý dạy rằng: Chuyển năm thức trước thành Thành sở tác trí, chuyển thức thứ sáu thành Diệu quan sát trí, chuyển thức thứ bảy thành Bình đẳng tánh trí, chuyển thức thứ tám thành Đại viên cảnh trí. Tuy thức thứ sáu và bảy chuyển trong nhân, năm thức

trước và thức thứ tám chuyển ở quả, nhưng chỉ chuyển cái tên mà không chuyển cái bản thể.

Thông đồn ngộ được tánh trí, trình kệ rằng:

Ba thân: bản thể mình
Bốn trí vốn tâm mình
Thân trí dung không ngại
Theo vật mà hiện hình
Khởi tu đều vọng động
Chấp thủ trái chơn tịnh
Nhờ Sư mà hiểu đạo
Tuyệt hết danh nhiễm ô.

Tăng Trí Thường ở Tín Châu, Quý Cốc đến tham lễ. Sư hỏi:

- Ngươi từ đâu đến?

Đáp:

- Đệ tử ở gần Hồng Châu, núi Bạch phong, trước đây đến tham lễ Hòa thượng Đại Thông xin chỉ dạy ý nghĩa kiến tánh thành Phật, nhưng chưa dứt được nghi, nay đến xin Hòa thượng dạy bảo.

- Đại Thông Hòa thượng dạy ngươi những gì, thử nói ra xem.

- Dạ, con tới đã ba tháng mà chưa được Ngài chỉ dạy điều gì cả. Một buổi chiều nọ, vì tha thiết cầu pháp, con một mình vào trượng thất hỏi Hòa thượng, bản tâm bản tánh của con là thể nào. Đại Thông dạy: “Ngươi có thấy hư không chăng?”. Con đáp: “Thấy”. Ngài nói: “Ngươi thấy hư không có tướng mạo không?”. Con trả lời: “Hư không thì vô hình, đâu có tướng mạo gì”. Hòa thượng dạy: “Bản tánh của ngươi cũng như hư không, tuyệt đối không một vật gì có thể thấy được. Như thế gọi là thấy chơn chánh. Không một vật gì có thể biết được, ấy gọi là biết chơn chánh. Không có xanh vàng dài ngắn, chỉ thấy nguồn gốc thanh tịnh, giác thể viên minh, ấy gọi là kiến tánh thành Phật, cũng gọi là tri kiến Phật”.

Bạch Hòa thượng, đệ tử tuy nghe lời dạy ấy vẫn chưa quyết nghi được, xin Hòa thượng khai thị.

Sư dạy:

- Lời dạy của vị Sư kia còn giữ cái kiến tri, nên khiến người chưa hiểu. Ta nay khai thị cho người một bài kệ:

Không thấy một pháp mà còn cái thấy không
Thì không khác đám mây che mặt trời
Không biết một pháp nhưng còn cái biết không
Cũng như giữa thái hư sanh điện chớp
Thấy biết như vậy càng thêm rối loạn
Nhận thức lầm lẫn thì làm sao hiểu được phương tiện
Người hãy trong một niệm tự biết lỗi
Thì ánh linh quang nơi mình thường hiện rõ.

Trí Thường nghe kệ xong tâm ý khai ngộ, trình kệ rằng:

Tự dung khởi tri kiến
Chấp tướng cầu Bồ đề
Còn giữ một niệm ngộ
Không hết mê lầm xưa
Tánh thể vốn là giác
Luống theo dòng chiếu soi
Không vào thất Tổ sư
Thì vẫn còn mờ mịt.

Lại hỏi Sư:

- Phật dạy ba thừa, lại còn dạy Tối thượng thừa, đệ tử chưa hiểu, xin Ngài chỉ dạy.

- Người hãy quán tự tâm, chớ chấp vào pháp tướng ở ngoài. Pháp không có bốn thừa, tâm người có sai khác. Kiến văn dần dần mới thông là Tiểu thừa, ngộ pháp hiểu nghĩa là trung, theo pháp tu hành là Đại. Vạn pháp đều thông, vạn pháp đều đủ, không nhiễm trước hết thấy, lìa các pháp tướng, không sở đắc một vật, ấy là Tối thượng thừa. Thừa nghĩa là thực hành, không do miệng tranh luận. Người hãy tự tu, chớ hỏi ta nữa. Hay trong mọi lúc, tự tánh không dời đổi.

Tăng Chí Đạo, người Quảng Châu, Nam Hải, bạch:

- Đệ tử từ khi xuất gia, xem Kinh Niết bàn hơn mười năm, mà chưa hiểu đại ý. Xin Hòa thượng từ bi chỉ dạy.

- Người không hiểu chỗ nào?

- Dạ, đệ tử có thắc mắc về bài kệ:

Chư hành vô thường
Thị sanh diệt pháp
Sanh diệt diệt dĩ
Tịch diệt vi lạc.

(Các hành là vô thường
Đó là pháp sanh diệt
Sanh diệt đã diệt rồi
Thì tịch diệt là vui).

Sư hỏi:

- Vì sao thắc mắc?

- Bạch, hết thấy chúng sanh lẽ ra có hai thân là nhục thân và Pháp thân. Thân vật chất thì vô thường, có sống có chết. Thân tinh thần (Pháp thân) thì thường còn, nhưng vô tri vô giác. Kinh nói sanh diệt hết thì tịch diệt là vui, con không hiểu thân nào tịch diệt, thân nào cảm thọ cái vui ấy. Nếu là thân vật chất, thì khi nó diệt, bốn đại rã rời, toàn là khổ, không thể bảo là vui được. Nếu Pháp thân tịch diệt, thì cũng như cỏ cây ngói đá, ai cảm thọ cái vui? Lại pháp tánh là bản thể của sanh diệt, năm uẩn là dụng của sanh diệt, (nghĩa là) đồng một thể mà có năm dụng, quá trình sanh diệt thường tiếp diễn, từ thể khởi ra dụng gọi là sanh, dụng thấu về thể gọi là diệt. Nếu chấp nhận có tái sanh, thì loài hữu sanh không bao giờ đoạn diệt (chỉ thay đổi thân này qua thân khác). Nếu không chấp nhận có tái sanh, thì các loài hữu tình trở về trạng thái tịch diệt, không khác vật vô tri vô giác. Như vậy thì tất cả các pháp đều bị Niết bàn (tịch diệt) án ngữ cả rồi, sanh còn không được làm sao có lạc?

Sư dạy:

- Ông là con dòng họ Thích, sao lại đem tà kiến chấp đoạn, chấp thường của ngoại đạo mà luận pháp Tối thượng thừa? Cứ như lời ông nói, thì ngoài sắc thân riêng có Pháp thân, do đó bỏ sanh diệt cầu tịch diệt. Ông lại suy luận rằng Niết bàn đã là thường lạc thì phải có thân để thọ dụng cái lạc ấy. Chính vì thế mà sanh ra ôm giữ sanh tử, tham đắm thế lạc. Ông nên biết Phật vì những người mê lầm này – những kẻ ngộ nhận sự phối hợp năm uẩn là cái

ta, còn những vật khác là ngoài ta, do đó ưa sống ghét chết, mãi mãi phiêu bạt một cách oan uổng trong vòng luân hồi mà không biết chỉ là mộng huyễn giả dối, đảo lại xem Niết bàn là thường lạc là khổ, suốt ngày chỉ theo đuổi cái vui thế tục – Phật vì thương xót những người này mới chỉ ra cái lạc chơn thật của Niết bàn. Niết bàn chơn lạc ấy trong một sát na không có hiện tượng sanh, cũng không có hiện tượng diệt, cũng không có hiện tượng sanh diệt nào để chấm dứt. Ấy gọi là sự hiện khởi trước mắt của tịch diệt. Nhưng ngay lúc hiện khởi ấy cũng không có cái suy lường về hiện khởi, nên gọi là thường lạc. Lạc ấy không có người cảm thọ, cũng không có người không cảm thọ, đâu có cái chuyện một thể năm dụng (như ông nói), huống nữa lại còn bảo niết bàn án ngữ hết mọi sự, khiến cho mọi sự vĩnh viễn không sanh được. Ấy là chệ Phật bài bác pháp đó. Hãy nghe kệ của ta:

Vô thượng đại Niết bàn
Viên minh thường tịch chiếu
Phàm ngu cho là chết
Ngoại đạo gọi dứt đoạn
Người cầu pháp Nhị thừa
Lại bảo là vô tác
Đều thuộc về chấp trước
Căn bản của (62) tà kiến
Chỉ là tên giả đặt
Đâu có nghĩa chơn thật
Chỉ có người siêu việt
Liễu tri pháp Niết bàn
Nên không lấy không bỏ
Vì biết rằng năm uẩn
Và ngã ở trong đó
Cùng những sắc tượng ngoài
Và tất cả âm thanh
Đều như mộng như huyễn
Không phân biệt Thánh phàm
Không cho rằng mình hiểu (Niết bàn)
Trừ cả hai biên chấp (có, không)
Bỏ luôn quá, hiện, vị
Thường sử dụng giác quan
Không khởi tưởng (sử dụng)
Phân biệt tất cả pháp
Không khởi tưởng “phân biệt”
Lửa cháy thấu đáy biển

Vào thời gian kiếp hoại
Gió mạnh núi va nhau
Mà Niết bàn chơn lạc
Vẫn không hề thay đổi
Ta nay chỉ gượng nói
Đề ông bỏ tà kiến
Ông đừng chấp lời ta
Họa may hiểu vài phần.

Chí Đạo nghe kệ đại ngộ, vui mừng lễ tạ mà lui.

Thiền Sư Hành Tư, họ Lưu, sanh ở An Thành, người Cát Châu, nghe tiếng Tổ Tào Khê, đến tham lễ, hỏi:

- Phải làm gì để khỏi rơi vào giai cấp?

Tổ hỏi:

- Ông thường làm gì?

Đáp:

- Thánh đế cũng không làm.

- Vậy ông thuộc giai cấp nào?

- Thánh đế còn không làm, thì còn có giai cấp nào.

Tổ nhận là bậc Pháp khí, cho làm thủ chúng. Một hôm Tổ bảo Hành Tư:

- Ông nên đi du hóa một phương, chớ để đứt mất giống Phật.

Hành Tư sau khi đắc pháp, trở về Cát Châu, núi Thanh Nguyên mà hoằng dương, sau khi mất Ngài được phong thụy là Hoằng Tế Thiền Sư.

Thiền Sư Hoài Nhượng, người họ Đỗ, ở Kim Châu, lúc đầu yết kiến An Quốc Sư ở Cao Sơn. An bảo đến Tào Khê tham bái Lục Tổ.

Tổ hỏi:

- Từ đâu đến?

- Cao Sơn.
- Vật gì đến? Vì sao đến?
- Nói rằng nó giống một vật thì không đúng.
- Vậy có thể tu chứng không?
- Tu chứng thì không phải không, nhưng nhiễm ô lại không thật có.
- Chính cái không nhiễm ô ấy, chư Phật đều hộ niệm! Ông đã được vậy, thì tôi cũng vậy.

Nhượng hoặc nhiên đại ngộ, hầu cận bên Tổ suốt mười lăm năm, càng ngày càng thâm nhập Phật lý. Về sau, sư đến Nam Nhạc hoàng dương thiền tông, sau khi mất được phong hiệu là Đại Huệ Thiền Sư.

Vĩnh Gia Huyền Giác thiền sư, người họ Tải, đất Ôn Châu, thưở nhỏ học Kinh Luận, tinh thông pháp môn chỉ quán của Thiên Thai tông, sau nhờ xem Kinh Duy Ma mà phát minh được tâm địa, gặp đệ tử của Tổ là Huyền Sách cùng nhau đàm luận nghĩa lý. Sách thấy lời nói của Sư khế hợp chư Tổ, bèn hỏi:

- Nhân giả đặc pháp với ai?
- Khi tôi nghe các Kinh luận Đại thừa thì đều có thầy truyền dạy, nhưng sau được đọc Kinh Duy Ma, ngộ tâm tông của Phật, thì chưa có người chứng minh cho tôi.

Sách bảo:

- Trước Phật Oai Âm Vương thì được, sau Phật Oai Âm Vương mà tự ngộ, không có thầy chứng minh, đều là thiên nhiên ngoại đạo.

- Vậy xin nhân giả chứng minh cho tôi.

Sách bảo:

- Lời tôi nhẹ lắm. Tào Khê có Lục Tổ Đại sư, bốn phương đều tụ hội thọ pháp với Ngài. Nếu đi thì tôi đi với.

Giác bèn cùng đi với Sách tới tham lễ Tổ. Đến nơi, Giác đi quanh ba vòng rồi chống tích trượng đứng. Tổ hỏi:

- Hễ làm Sa môn thì phải đủ ba ngàn oai nghi, tám vạn tế hạnh. Đại đức từ đâu tới mà ngạo mạn như vậy?

Giác nói:

- Sinh tử là việc lớn, vô thường mau chóng.

Sư hỏi:

- Sao không ngay thể tánh mà trực nhận cái không sanh, để liễu đạt cái không chóng?

- Thể vốn không sanh, liễu vốn không chóng.

- Đúng đấy, đúng đấy.

Giác mới đủ oai nghi đánh lễ Tổ rồi cáo từ.

Tổ hỏi:

- Về chóng quá vậy?

- Vốn tự không động, há lại có mau chóng hay sao?

Tổ hỏi:

- Ai biết không động?

- Ấy là nhân giả tự sanh phân biệt.

Tổ khen:

- Ông thật đã đạt cái ý vô sanh.

- Vô sanh lại có ý sao?

Tổ hỏi:

- Nếu không ý thì ai phân biệt?

- Phân biệt cũng không phải là ý.

Tổ bảo:

- Lành thay! Hãy lưu lại một đêm đã.

Nhân đây người đương thời gọi là “một đêm giác ngộ”.

Về sau Giác làm “bài ca chứng đạo” thịnh hành ở thế gian. Khi mất, ngài được ban thụy là Vô Tướng Đại Sư.

Thiền Sư Trí Hoàng, lúc đầu tham học ngũ Tổ, tự cho đã được chánh định, về ở trong am ngòi suốt hai mươi năm. Đệ tử của Tổ là Huyền Sách đi du phương đến Hà Sóc, nghe danh Hoàng, đến am hỏi:

- Ông ở đây làm cái gì?

- Nhập định.

Sách bảo:

- Ông nói nhập định, vậy là hữu tâm mà nhập hay vô tâm mà nhập? Nếu vô tâm, thì hết thấy loài vô tình như cỏ cây ngói đá, đáng lẽ cũng nên gọi là đã đạt định, còn nếu hữu tâm mà nhập, thì tất cả các loài hữu tình có tâm thức cũng đáng gọi là đắc định.

Hoàng nói:

- Trong khi tôi nhập định, thì không thấy cái tâm hữu vô ấy.

Sách nói:

- Không thấy có tâm hữu vô, thì là thường định rồi, còn có xuất nhập gì nữa. Nếu có xuất nhập thì không phải đại định.

Hoàng không đáp được. Một lúc, Hoàng hỏi:

- Nhân giả kế thừa pháp của ai vậy?

- Thầy tôi là Lục Tổ ở Tào Khê

Hoàng nói:

- Lục Tổ lấy gì làm thiên định?

Sách đáp:

- Lời dạy của thầy tôi là “Diệu trạm viên tịch”, thể dụng như như, năm ấm vốn không, sáu trần không thật có, không xuất không nhập, không định không loạn. Tánh của thiên là vô trú, nên không trú nơi sự yên lặng của thiên. Tánh của thiên là vô sanh, nên không sanh ý tưởng về thiên. Tâm như hư không, nhưng cũng không có tư tưởng về hư không.

Hoàng nghe xong, đến bái yết Tổ, Tổ hỏi:

- Nhân giả từ đâu đến?

Hoàng trần thuật mọi sự:

- Sách nói đúng đó.

Tổ thương xót người đã lặn lội từ xa đến bèn khai thị như sau:

- Ông hãy để tâm như hư không, mà chớ nắm giữ cái ý tưởng về hư không. Để nó vận hành tự nhiên. Dù khi làm việc hay nghỉ ngơi, hãy để tâm an trú trong không. Đừng phân biệt Thánh phàm chủ khách. Tâm thể và vạn sự luôn luôn ở trong trạng thái như, thể gọi là thường định .[6]

Trí Hoàng nhân đây đại ngộ, những gì tâm sở đắc trong hai mươi năm qua không còn tác dụng nữa. Đêm ấy, dân chúng Hà Bắc nghe trên không có tiếng nói: “Thiền sư Trí Hoàng hôm nay đắc đạo”.

Về sau Hoàng từ biệt Tổ, trở về Hà Bắc khai hóa bốn chúng đệ tử.

Thần Hội đồng tử mười ba tuổi, từ Ngọc Tuyền đến tham lễ Tổ dạy:

- Bạn từ xa đến thật là khó nhọc, vậy có đem gốc đến được đó không? Nếu có gốc tất biết được chủ. Hãy nói thử coi.

Hội đáp:

- Vô trú là gốc, thấy là chủ.

Tổ dạy:

- Sa di này ăn nói sao lộn xộn!

Hội hỏi:

- Hòa thượng tọa thiền, thấy hay không?

Tổ đánh cho ba gậy, hỏi:

- Ta đánh, người đau không?

Hội bạch:

- Cũng đau cũng không đau.

Tổ hỏi:

- Ta cũng thấy cũng không thấy.

Thần Hội hỏi:

- Cũng thấy cũng không thấy nghĩa là sao?

Tổ đáp:

- Ta thấy là thường thấy lỗi lầm của tự tâm, không thấy là không thấy phải trái tốt xấu của người khác. Cho nên nói cũng thấy cũng không thấy. Còn người nói cũng đau cũng không đau là sao? Người, nếu không đau thì khác gì gỗ đá, nếu đau thì cũng như phàm phu, tất sẽ khởi tâm sân hận. Người nói thấy không thấy ấy là nhị biên, đau không đau là sanh diệt. Người đã không thấy tự tánh lại dám đùa người.

Thần Hội lại sám hối lỗi lầm. Tổ dạy:

- Người nếu tâm mê không thấy, thì phải hồi Thiện tri thức để tìm đường. Nếu tâm ngộ, thì đã thấy tự tánh, theo pháp mà tu hành. Đã mê không thấy tự tâm mà còn tới hỏi ta thấy với không thấy. Nếu ta thấy thì ta tự biết, đâu đợi đến cái mê lầm của người. Nếu người tự thấy được thì không cần đợi đến cái mê của ta. Sao không tự biết tự thấy, lại đi hỏi ta thấy với không thấy.

Thần Hội lại lễ thêm một trăm lạy, cầu xin sám hối, từ đây siêng năng hầu hạ Tổ không rời. Một hôm Tổ bảo chúng:

- Ta có một vật không đầu không đuôi, không tên gọi, không danh tự, không lưng, không mặt, các ngươi có biết không?

Thần Hội bước ra nói:

- Đó là bản nguyên của chư Phật, là Phật tánh của con đây.

Tổ dạy:

- Ta đã bảo nó không tên gọi, không danh tự sao ngươi còn gọi là bản nguyên Phật tánh. Như vậy là ngươi chỉ lấy cỏ che đầu, thành môn đồ của bọn trí giả.

Sau khi Tổ nhập diệt. Thần Hội vào đất Kinh Lạc hoằng dương pháp Đốn giáo, trước tác bộ Hiền Tông Ký thịnh hành ở thế gian. Ngài có danh hiệu là Hà Trạch Thiên Sư.

Một vị Tăng hỏi:

- Tông chỉ của Tổ Hoàng Mai ai được?

Sư đáp:

- Người nào hiểu Phật pháp thì được.

Tăng hỏi:

- Hòa thượng được không?

- Tôi không hiểu Phật pháp.

Một ngày nọ Sư muốn giặt cái y đã được truyền thọ, nhưng không còn suối tốt. Ngài đi ra phía sau chùa khoảng năm trăm dặm thì thấy núi non sầm uất, bàng bạc anh linh tú khí. Sư ấn tích trượng xuống đất, liền có nước vọt lên tụ lại thành một cái ao. Sư bèn quỳ gối mà giặt y trên phiến đá.

Có vị tăng tên Phương Biện, người đất Thục đến yết kiến. Sư hỏi:

- Thượng nhân sở trường nghề gì?

Vị Tăng đáp:

- Đắp tượng.

Sư nghiêm mặt bảo:

- Ngài hãy đắp thử coi.

Phương Biện hoang mang. Vài ngày sau ông đắp thành một cái tượng bầy tặc rất tinh xảo. Sư cười nói:

- Ông thật am tường tính chất của điêu khắc, nhưng lại không am tường Phật tánh.

Sư bèn xoa đầu thọ ký pho tượng, để làm ruộng phước vĩnh viễn cho loài người, rồi lấy y đèn công cho Phương Biện. Biện chia cái y ra làm ba mảnh, một đắp cho tượng, một giữ cho mình, còn một gói lại chôn xuống đất phát lời nguyện tương lai sẽ được lại y này lúc tái sanh, trú trì đất ấy để trùng tu ngôi Tam Bảo. Đến đời Tống Gia Hữu năm thứ tám, có vị Tăng Duy Tiên trùng tu chùa, khi đào đất được mảnh y như mới. Pho tượng hiện ở chùa Cao Tuyên, nổi tiếng rất linh ứng.

Có vị Tăng đọc bài kệ của thiền sư Ngọa Luân:

Ngọa Luân hữu kỹ lưỡng
Năng đoạn bách tư tưởng
Đối cảnh tâm bất khởi
Bồ đề nhật nhật trưởng.

(Ngọa Luân có nghề hay
Dứt được trăm tư tưởng
Đối cảnh tâm không sanh
Bồ đề ngày càng lớn).

Sư nghe bài kệ dạy rằng:

- Bài kệ ấy chưa rõ thấu tâm địa. Theo đó mà làm là tự thêm dây trói buộc đó.

Nhân đây Sư đọc kệ:

Huệ Năng một kỹ lưỡng
Bất đoạn bách tư tưởng

Kiến cảnh tâm sát khởi
Bồ đề tác ma trường.

(Huệ Năng không nghề hay
Chẳng dứt trăm tư tưởng
Đối cảnh tâm thường khởi
Bồ đề lớn sao được).

[3] *(đánh dấu thuyền để tìm gươm. DG)*

[4] *Kiên phi công: thấy mà không dụng công phân biệt, thấy bằng trực giác “đệ nhất phong đầu”.*

[5] *Tức đối các cảnh biến thiên mà tâm bất động*

[6] *Theo bản Anh dịch của ông Mou Lam. Hán không có đoạn này.*

PHẨM THỨ TÁM - ĐỐN VÀ TIỆM

Trong khi Lục Tổ trú trì chùa Bảo Lâm đất Tào Khê, thì Đại Sư Thần Tú trú trì chùa Ngọc Tuyền đất Kinh Nam. Bấy giờ, cả hai tông đều thanh, người đương thời đều gọi “Nam Năng, Bắc Tú”, chia thành hai phái Đốn, Tiệm, người học không biết theo ai. Sư bào đại chúng:

- Pháp vốn một tông chỉ, người có Nam, Bắc, chứ pháp chỉ có một nhà thôi, nhưng kiến giải (Pháp ấy) thì có người mau kẻ chậm. Sao gọi là đốn, tiệm? Pháp không có đốn, tiệm, nhưng người có kẻ thông minh, người đần độn nên gọi đốn tiệm.

Tuy vậy, đồ chúng của Thần Tú thường chê Tổ sư Nam tông không biết một chữ, thì có sở trường gì. Thần Tú nói:

- Ngài Huệ Năng được Vô sư trí, thâm nhập Tối thượng thừa, ta thật không sánh bằng. Huống chi Thầy ta là Ngũ Tổ đã đích thân truyền y pháp cho Ngài, đâu phải vô cơ mà truyền. Ta bận không thể đi xa thân cận Ngài, ngồi đây mà luống thẹn ân vua. Các người đừng nên lưu luyến ở đây, hãy đến Tào Khê tham bái mà giải quyết (những nghi ngờ về Phật pháp).

Một ngày kia, Đại sư Thần Tú gọi môn đệ là Chí Thành, bảo:

- Ông thông minh nhiều trí, hãy vì tôi đến Tòa Khê nghe pháp, nghe điều gì thì nhớ kỹ về thuật lại cho tôi.

Chí Thành vâng lệnh tới Tòa Khê theo đại chúng nghe pháp, nhưng không nói ra tông tích mình, khi ấy Tổ sư bảo đồ chúng:

- Có một người nghe trộm pháp đang ẩn trong hội này.

Chí thành bước ra làm lễ, kể rõ đầu đuôi.

Sư dạy:

- Ông từ Ngọc Tuyên đến, thì nhất định là kẻ mật vụ đến dò thám rồi.

Chí Thành nói không phải. Sư bảo:

- Không phải sao được?

Chí Thành đáp:

- Chưa nói ra còn phải, đã nói ra rồi thì không phải.

Sư hỏi:

- Thầy của ông dạy chúng những gì?

- Bạch, Ngài thường bảo đại chúng trụ tâm, quán sự tịch tịch, ngòi mãi không nằm.

Sư nói:

- Trụ tâm quán tịnh ấy là bệnh không phải thiền. Ngòi mãi không nằm chỉ nhọc cái xác thân, có ích lợi gì cho sự thấu đạt nghĩa lý? Hãy nghe kệ của tôi:

Đang sống ngòi không nằm
Chết rồi, nằm không ngòi
Chỉ là đồng xương thối
Có gì công với tội?

Chí Thành lạy mà bạch:

- Đệ tử ở với Tú đại sư học đạo chín năm mà không hiểu ngộ, nay nghe Hòa thượng nói một lời liền không hiểu ngộ được bản tâm. Con vì việc lớn sanh tử mà xin Hòa thượng mở lòng đại từ chỉ dạy thêm cho.

Sư bảo:

- Thầy của ông dạy chúng pháp môn định tuệ như thế nào? Nói cho tôi nghe coi.

- Dạ, Đại sư dạy rằng các điều ác không làm gọi là giới, các điều thiện cung kính mà thực hành gọi là tuệ, thanh tịnh tâm ý gọi là định. Ngài dạy như vậy đó. Còn Hòa thượng dạy những pháp gì?

Sư nói:

- Nếu tôi nói rằng có pháp mà trao cho người, thì thành ra nói dối với ông. Tôi chỉ tùy chỗ bị trói buộc mà cởi mở, tạm gọi là Tam muội. Như giới định tuệ mà thầy ông nói đó thật bất không hiểu tư nghi. Nhưng giới định tuệ tôi thấy thì khác.

Chí Thành nói:

- Giới định tuệ chỉ có một thứ, sao lại khác được?

Sư dạy:

- Giới định tuệ của thầy ông tiếp độ người Đại thừa, giới định tuệ của tôi tiếp độ người Tối thượng thừa. Do chỗ ngộ giải (của họ) không đồng nên thấy có kẻ mau người chậm. Ông hãy nghe tôi nói xem có giống với thầy ông không. Tôi nói pháp không rời tự tánh, lìa bản thể mà nói tức là chỉ nói đến tướng, còn tự tánh thì vẫn mê lầm. Nên biết tất cả pháp đều từ tự tánh mà không hiểu rời ra ứng dụng, ấy là giới định tuệ chân thật. Hãy nghe kệ của tôi:

Tâm địa không tà vạy là giới của tự tánh
Tâm địa không si mê là tuệ của tự tánh
Tâm địa không rối loạn là định của tự tánh
Không tăng không giảm như kim cương
Thân đến hay đi vẫn trong Tam muội.

Chí Thành nghe kệ sám hối tạ ơn và trình Ngài bài kệ:

Năm uẩn là thân huyễn
Đâu có gì cứu cánh
Quay về với chơn như
Thì lại thành bất tịnh.

Sư gật đầu lại bảo Chí Thành:

- Giới định tuệ của thầy ông hóa độ những người căn trí thấp, giới định tuệ của tôi nói là để hóa độ người đại căn đại trí. Nếu ngộ được tự tánh thì Bồ đề Niết bàn cũng không lập, giải thoát tri kiến cũng không lập, không có một pháp nào thật có thể nắm lấy, mới xây dựng nên vạn pháp được. Nếu hiểu ý này, thì gọi là Bồ đề, Niết bàn, cũng gọi là giải thoát tri kiến. Người kiến tánh thì lập cũng được, không lập cũng được, đến đi tự do, không vướng không kẹt, diệu dụng mà làm, tùy lời mà đáp, thấy được một cách phổ quát rằng tất cả hóa thân đều không rời tự tánh, do đó mà được thần thông tự tại, dong chơi trong Tam muội, ấy gọi là kiến tánh.

Chí Thành hỏi:

- Không lập nghĩa là sao?

Sư dạy:

- Tự tánh không sai quấy, không si mê, không loạn động, trong mỗi niệm đều lấy trí tuệ soi chiếu, thường lia tướng, tự do tự tại ngang dọc đều thông, thì còn gì phải lập? Tự tánh tự ngộ, ngộ liền tu liền, không có từ từ lai rai, cho nên không lập một pháp nào cả. Các pháp vốn tích diệt, đâu có thứ tự gì.

Chí Thành lễ bái, xin hầu hạ sớm chiều không dám trễ nải.

Một vị Tăng tên Chí Triệt, người Giang Tây, họ Trương, trước tên Hành Xương, thưở thiếu thời làm hiệp sĩ. Từ khi Nam Bắc phân hóa, tuy hai vị tông chủ không còn tâm bỉ ngã, mà đồ chúng vẫn khởi yêu ghét. Môn nhân Bắc tông tự lập Thần Tú làm đệ Lục Tổ, nhưng sợ cái chuyện Ngũ Tổ truyền y cho Huệ Năng bị thiên hạ nghe, bèn sai Hành Xương đến ám sát Lục Tổ. Sư nhờ tâm thông biết trước việc này, đặt sẵn mười lượng vàng ở chỗ ngồi. Khi đêm đến, Hành Xương vào phòng Tổ toan chém thì Sư đã đuổi cổ ra cho. Hành Xương chém ba lần không được. Sư nói:

- Gươm chánh không làm chuyện tà. Gươm tà nên đâm không trúng. Ta chỉ nợ người vàng, không nợ sanh mạng.

Hành Xương kinh hãi ngã lăn ra hồi lâu mới tỉnh lại, xin sám hối, phát nguyện xuất gia. Sư đưa vàng cho, bảo:

- Người hãy đi đi đã, sợ đồ chúng của ta trở lại hại người đấy. Ngày khác thay hình đổi dạng mà tới, ta sẽ độ cho.

Hành Xương vâng lệnh trốn đi, về sau xuất gia. Một hôm nhớ lời Sư dạy, từ xa đến làm lễ.

Sư bảo:

- Ta nhớ ông lâu nay, sao đến chậm thế?

- Bạch Hòa thượng, con nhớ ơn Ngài xá tội, nay tuy xuất gia khổ hạnh vẫn thấy trọn đời cũng không báo được ân đức. Duy chỉ truyền pháp độ sanh họa may đến đáp được chút nào. Đệ tử thường xem Kinh Niết bàn, mà không hiểu nghĩa “thường” và “vô thường” trong đó. Xin Hòa thượng từ bi giải thích cho con.

Sư dạy:

- Vô thường là Phật tánh. Thường là cái tâm phân biệt hết thấy ác pháp thiện pháp đó.

Chí Triệt kinh dị, bạch:

- Hòa thượng nói thật trái ngược hẳn văn tự trong Kinh.

Sư bảo:

- Tôi truyền tâm ấn của Phật, đâu dám nói trái với kinh điển?

- Dạ, Kinh dạy rằng Phật tánh là thường mà Hòa thượng lại dạy là vô thường, còn Kinh dạy pháp thiện ác cho đến Bồ đề tâm đều vô thường, thì Hòa thượng lại dạy là thường. Như vậy tức là trái hẳn nhau, làm cho con càng nghi hoặc.

Sư bảo:

- Kinh Niết bàn ngày xưa tôi đã được ni Vô Tận Tạng đọc nghe một lần, rồi giảng nói cho cô, không có một chữ một nghĩa nào là không khế hợp với văn Kinh. Nay nói với ông cũng vậy, tuyệt đối tôi không nói khác đi chút nào.

- Bạch, con trí thức nông cạn, xin Hòa thượng khai thị rõ ràng cho.

- Ông biết chăng? Phật tánh nếu là thường, thì dù nói ra bao nhiêu pháp thiện ác cho tới măn kiếp cũng không có lấy một người phát tâm Bồ đề. Cho nên, tôi nói vô thường, chính là chỗ Phật dạy chơn thường đó. Lại nếu các pháp là vô thường, thì mỗi vật đều có tự tánh, chịu sanh tử, (khiến cho) tánh chơn thường có chỗ không lưu thông được; cho nên cái thường tôi nói chính là ý nghĩa vô thường của Phật dạy đó. Phật vì phạm phu ngoại đạo chấp là thường, các người Nhị thừa chấp vô thường, tông cộng có tám cái chấp đảo ngược, nên mới đả phá những cái thấy một bên của họ, bằng cách trong Kinh Niết bàn, thuyết minh chơn thường, chơn lạc, chơn ngã, chơn tịnh. Ông kẹt nơi văn mà quay lưng với nghĩa lý, chấp đoạn diệt là vô thường, và sự cố định là thường, đến nỗi hiểu lầm lời dạy viên mãn vi diệu tối hậu của Phật. Như vậy, thì có xem Kinh một ngàn lần cũng không ích gì.

Hành Xương đại ngộ, trình kệ rằng:

Vì cái chấp vô thường
Phật dạy tánh hữu thường
Không biết đây phương tiện
Như nhật sỏi ao xuân
(mà tưởng cho là ngọc)
Tôi nay không dụng công
Mà Phật tánh hiện tiền
Không phải do Sư trao
Cũng không phải tôi được.

Sư dạy:

- Ông nay đã triệt ngộ đó, đáng gọi là Chí Triệt.

Chí Triệt lễ tạ mà lui.

Sư thấy những vấn nạn của các tông phái đều mang ác ý, những người này phần nhiều tụ tập tại giảng đường. Sư thương xót dạy rằng:

- Người học đạo thì hết thấy sự nhớ nghĩ về thiện ác đều phải trừ diệt. Vì không có cái tên nào có thể gọi được nên tạm gọi là tự tánh. Cái tánh không hai gọi là thật tánh, từ thật tánh ấy mà xây dựng pháp môn giáo hóa. Hãy ngay nơi lời này mà tự thấy bản tánh đi.

Mọi người nghe lời ấy đều đánh lễ nguyện xin thờ Ngài làm thầy.

PHẨM THỨ CHÍN - DUY TRÌ CHÁNH PHÁP

Vào ngày thượng nguyên, đời vua Thần Long nguyên niên, vua ra chiếu chỉ rằng: “Trăm tỉnh hai Sư An và Tú vào cung cúng dường để khi rồi việc nước thì tham cứu đạo Nhất thừa. Hai Sư đều từ chối bảo rằng, ở phương Nam có Thiền sư Huệ Năng được Nhẫn Đại sư mật trao y pháp, truyền Phật tâm ấn, nên thỉnh Ngài mà hỏi. Nay trăm sai quan nội thị Tiết Giản đem chiếu chỉ đến thỉnh Ngài, xin Ngài từ bi gấp lên xa giá về kinh”.

Sư tiếp tờ biểu rồi cáo bệnh, nguyện suốt đời ở núi non. Tiết Giản bạch:

- Các bậc Thiện đức ở kinh thành đều nói muốn được hiểu đạo thì phải tọa thiền tập định, không do thiền định mà được giải thoát là chuyện không có. Xin hỏi Đại sư dạy thế nào?

- Đạo do tâm ngộ, không phải do ngồi. Kinh dạy: “Nếu Như Lai ngồi hay nằm đầu là làm tà đạo. Vì sao? Không từ đâu lại, cũng không đi đâu, không sanh không diệt, ấy là Như Lai thanh tịnh thiền. Các pháp không tịch, ấy là chỗ ngồi thanh tịnh của Như Lai, tuyệt đối không có chứng đắc, huống chi có ngồi.

Tiết Giản bạch:

- Đệ tử về kinh, thế nào Chúa thượng cũng hỏi, xin Sư từ bi chỉ dạy tâm yếu, đệ tử về tâu lại cho hai cung và các học giả ở kinh thành. Như một đèn môi cho trăm ngàn ngọn, tối đều được sáng, ánh sáng tiếp nối nhau vô tận.

Sư nói:

- Đạo không có sáng tối, sáng tối là thay đổi cho nhau. Ánh sáng tiếp nối vô tận, cũng là có tận, vì đối đãi nhau mà lập danh vậy. Nên Kinh Tịnh Danh nói: “Pháp không có so sánh, vì không đối đãi”.

Tiết Giản nói:

- Ánh sáng dụ trí tuệ, bóng tối dụ phiền não. Người tu đạo nếu không lấy trí tuệ chiếu phá phiền não thì sanh tử vô thủy dựa vào đâu mà xuất ly được?

Sư dạy:

- Phiền não tức Bồ đề, không hai không khác. Nếu lấy trí tuệ chiếu phá phiền não, thì đó là kiến giải của Nhị thừa, là căn cơ xe dê xe hưu. Người thượng trí đại căn không vậy.

- Thế nào là kiến giải Đại thừa?

- Minh và vô minh, phàm phu thấy hai, bậc trí liễu đạt tánh nó không hai. Tánh không hai ấy là thật tánh. Thật tánh ở nơi phàm phu không giảm, nơi hiền Thánh không thêm, ở trong phiền não mà không rối loạn, ở trong thiên định mà không lặng lẽ, không đoạn không thường, không đến không đi, không ở giữa, không ở ngoài không ở trong, không sanh không diệt, tánh tướng như như, thường trụ không dời đổi, ấy gọi là Đạo.

Tiết Giản nói:

- Sư nói không sanh không diệt thì có khác gì ngoại đạo?

- Bất sanh bất diệt của ngoại đạo nói, là đem diệt mà chấm dứt sanh, lấy sanh mà làm rõ diệt. Như thế thì diệt này cũng như không diệt, sanh nói bất sanh. Tôi nói bất sanh bất diệt là, bản tánh tự nó đã vô sanh nên nay cũng không diệt. Cho nên khác với ngoại đạo. Ông muốn biết tâm yếu thì chỉ cần không suy lường gì đến hết thấy thiện ác, thì tự nhiên vào được tâm thể thanh tịnh, trạm nhiên thường tịch, diệu dụng như hằng sa.

Tiết Giản nghe chỉ giáo hoát nhiên đại ngộ, đánh lễ từ tạ mà về kinh, làm tờ biểu tâu lại những lời Sư dạy. Năm ấy, ngày mùng ba tháng chín, lại có tờ chiếu gọi sư rằng: “Sư từ chối lấy cố già bệnh ấy là để vì trẫm mà tu đạo làm ruộng phước cho quốc gia, chẳng khác Ngài Tịnh Danh giả bệnh ở Tỳ Da thành để tuyên dương Đại thừa truyền tâm yếu của chư Phật. Nói Pháp không hai. Tiết Giản đã truyền lại lời Sư chỉ dạy về Như Lai tri kiến. Trẫm tích thiện có dư, đời trước có trồng thiện căn nay gặp được Sư xuất thế, để đón ngộ thượng thừa. Cảm bội ân đức của Sư, trẫm đội trên đầu mãi mãi, nay xin dâng ca sa ma nạp và bát thủy tinh. Lại sắc cho quan Thứ sử Thiều Châu trùng tu ngôi chùa, đặt tên là chùa Quốc Ân, chỗ Sư cư ngụ lúc trước.

PHẨM THỨ MƯỜI - DẶN DÒ

Một hôm, Sư gọi môn nhân gồm có Pháp Hải, Chí Thành, Pháp Đạt, Thần Hội, Trí Thường, Trí Thông, Chí Triệt, Chí Đạo, Pháp Trân, Pháp Như v.v... mà dạy rằng:

- Các ông không như người khác, sau khi tôi diệt độ, mỗi người sẽ làm thầy một phương, nay tôi dạy cho các ông thuyết pháp không để mất tông chỉ. Trước phải đưa ra pháp môn ba khoa, sử dụng 36 đôi, ra vào đều lia cả hai bên. Khi nói tất cả các pháp chớ rời tự tánh.

Ba khoa là âm, giới, nhập. Âm là năm âm: Sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Nhập là mười hai nhập, tức sáu trần ở ngoài (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) và sáu căn ở trong (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý). Giới là 18 giới: sáu trần, sáu căn và sáu thức. Tự tánh có công năng hàm chứa vạn pháp, gọi là hàm tàng thức. Nếu khởi tư lượng thì chuyển thành thức, phát sanh ra sáu thức đi ra sáu cửa mà thấy sáu trần, như vậy 18 giới đều từ tự tánh mà khởi ra ứng dụng. Tự tánh mà tà mê thì khởi 18 tà, tự tánh chánh thì khởi 18 chánh. Ứng dụng ác thì gọi là chúng sanh dụng. Ứng dụng thiện thì gọi là Phật dụng.

Dụng do đâu mà có? Do tự tánh có đối pháp: ngoại cảnh vô tình có 5 đối: trời đối với đất, mặt trời đối với mặt trăng, sáng đối với tối, âm đối với dương, nước đối với lửa. Pháp tướng ngôn ngữ có mười hai đối: lời đối với pháp, có đối với không, hữu sắc đối với vô sắc, hữu tướng đối với vô tướng, hữu lậu đối với vô lậu, sắc đối với không, động đối với tịnh, trong đối với đục, phàm đối với Thánh, Tăng đối với tục, già đối với trẻ, lớn đối với nhỏ. Đó là 12 đối.

Tự tánh khởi dụng có 19 đối: dài – ngắn, tà – chánh, si – tuệ, ngu – trí, loạn – định, hiền – dữ, giới – quấy, thẳng – cong, thật – hư, hiểm – bình, phiền não – Bồ đề, thường – vô thường, bi – hại, hỷ - sân, xả - xan, tới – lui, sanh – diệt, Pháp thân – sắc thân, Hóa thân – Báo thân. Ấy là 19 đối. 36 đối pháp này nếu biết rõ ứng dụng thì bao quát hết thấy binh pháp, ra vào đều lia hai bên, tự tánh động dụng, khi cùng người đối đáp. Ngoài thì ngay tướng mà lia tướng, trong thì ngay nơi không mà lia không. Nếu toàn chấp tướng ấy là tăng trưởng tà kiến, toàn chấp không là tăng trưởng vô minh. Ngoài chấp không thường bài bác Kinh, nói rằng không dùng văn tự. Nhưng đã nói không dùng văn tự, thì đáng lẽ cũng không được nói phô. Nội một lời ấy đã là cái tướng văn tự rồi. Lại nói “Đạo thẳng thì không cần lập văn tự”, nhưng hai tiếng “bất lập” cũng là văn tự. Hạng người ấy thấy người khác nói ra

điều gì liền bác, cho là chấp vắn tự. Các ông nên biết mình mê còn khả thứ, đấng này còn chê bai Kinh Phật thì tội chướng vô số. Nếu chấp tướng bên ngoài làm các sự việc tìm chân lý như thiết lập đạo tràng để bàn luận về không về hữu, những người như vậy mãi kiếp không thể thấy tánh được.

Các ông chỉ có việc hỷ như pháp mà tu hành. Lại cũng chớ nên trảm việc không nghĩ tới, khiến cho cái tánh (lưu thông) của đạo bị chướng ngại. Nếu chỉ nghe và giảng nói mà không tu, thì sẽ làm cho người phát sanh tà niệm. Chỉ cần y pháp mà tu hành, ấy là bổ thí Phật pháp một cách vô tướng. Nếu các ông đã ngộ, theo đây mà giảng nói, theo đây mà ứng dụng, theo đây mà hành trì, theo đây mà làm tức không mất tông chỉ. Khi cùng người đối đáp nghĩa lý, hỏi về hữu thì đối bằng vô, hỏi về vô thì đối bằng hữu, hỏi về phàm thì đối bằng Thánh, hỏi về Thánh thì đối bằng phàm. Hai đường làm nhân cho nhau phát sanh cái nghĩa Trung đạo. Các câu hỏi khác cứ y theo đây mà làm thì khỏi mất chánh lý. Ví dụ, có người hỏi các ông “tôi” là gì? Hãy đáp “sáng là nhân, tối là duyên, sáng hết thì tối, dùng sáng mà tỏ rõ cái tối; lấy tối mà làm tỏ cái sáng”. Đến đi làm nhân cho nhau, thành cái nghĩa lý Trung đạo. Các câu hỏi khác cũng vậy. Các ông về sau truyền pháp, cứ theo đây mà truyền dạy nhau, chớ để mất tông chỉ.

Năm Nhâm Tý vào thời đại Thái cực nguyên niên tháng bảy, Sư dạy môn nhân tới chùa Quốc Ân ở Tân Châu xây tháp, lại bảo làm gấp rút. Năm sau cuối mùa hạ công tác hoàn tất. Vào ngày mồng một tháng bảy, Sư tập họp đồ chúng dạy:

- Đến tháng tám này tôi sẽ từ biệt thế gian. Các ông còn điều nghi nào nên hỏi cho sớm, tôi sẽ phá nghi cho, khiến các ông hết mê lầm. Sau khi tôi đi rồi thì không còn ai dạy các ông.

Pháp Hải và đồ chúng nghe xong đều khóc rơi lụy, chỉ có Thần Hội là bất động, Sư dạy:

- Ra chỉ có Thần Hội là có tâm bình đẳng, khen chê bất động, buồn vui không sanh, còn bao nhiêu điều chưa được. Vậy chớ các ông ở trong núi bao nhiêu năm, tu cái đạo gì? Nay các ông sàu khổ rơi lụy là khóc cho ai? Nếu khóc cho tôi, ấy là không biết chỗ tôi đi, nếu không tôi đã không báo trước cho các ông. Nếu các ông biết chỗ tôi đi, thì thật không đáng khóc lóc gì cả. Pháp tánh vốn không sanh diệt đến đi. Thôi, hãy ngồi xuống, tôi sẽ nói cho các ông một bài kệ mệnh danh là “Chơn giả động tịnh”. Các ông hãy học thuộc bài kệ này, đồng ý với tôi, theo đây tu hành thì không mất tông chỉ.

Đại chúng đành lẽ mà nghe Sư đọc:

Hết thấy đều không thật
Không do thấy mà thật
Nếu giả cho là thật
Cái thấy đó không chơn.

Nếu tự tánh có chơn
Lìa giả là tâm chơn
Tự tâm không lìa giả
Không chỗ nào có chơn.

Loài hữu tình thì động
Vô tình thì bất động
Nếu tu hạnh bất động
Là hóa như vô tình.

Tim bất động chơn thật
Là ngay nơi cái động
Còn như loài bất động
Vô tình, không Phật chủng

Khéo phân biệt pháp tướng
Là bất động đê nhất
Chỉ cần thấy như vậy
Ấy là dụng chơn như.

Hỡi các người học đạo
Hãy nỗ lực đề ý
Chớ ở cửa Đại thừa
Lại chấp sanh tử trí.

Nếu lời nói hợp nhau
Thì cùng bàn ý nghĩa
Nếu thật không hợp nhau
Cùng chấp tay vui hòa.

Tông này không tranh cãi
Tranh cãi mất ý đạo
Giữ cái thói đấu tranh
Là đi vào sanh tử.

Đồ chúng nghe kệ xong đều đánh lễ nguyện vâng Thánh ý, nhiếp tâm theo đó tu hành, không dám tranh luận. Thượng tọa Pháp Hải biết Sư không còn trú lâu ở đời nên đánh lễ mà hỏi:

- Bạch, sau khi Hòa thượng nhập diệt, y pháp sẽ truyền cho ai?

Sư dạy:

- Từ ngày ở chùa Đại Phạm đến nay những pháp tôi nói ra hãy sao lục mà lưu hành, đặt tên là PHÁP BẢO ĐÀN KINH. Các ông hãy giữ gìn để trao truyền cho nhau mà hóa độ quần chúng. Chỉ nương theo đó mà nói pháp thì đây là Chánh pháp. Nay tôi chỉ nói pháp cho các ông mà không trao y, bởi vì tin căn các ông đã thuần thực, quyết định không còn nghi hoặc, có thể đảm trách việc lớn. Lại theo Thánh ý trong bài kệ của Đạt Ma Sư Tổ thì không nên truyền y nữa, kệ ấy như vậy:

Ta vốn đến đất này
Để truyền pháp cứu mê
Một hoa nở năm cánh
Kết quả tự nhiên thành.

Sư lại dạy:

- Các ông muốn thành tựu trí Phật thì phải đạt “Nhất tướng Tam muội” và “Nhất hạnh Tam muội”. Trong tất cả chỗ mà không chấp tướng, đối với mọi sự không sanh tâm yêu ghét lấy bỏ, không nghĩ đến chuyện lợi ích thành hoại, luôn giữ thái độ an nhàn điềm tịnh Như thái đạm bạc, ấy là Nhất tướng Tam muội. Ở tất cả các chỗ, lúc đi đứng ngồi nằm, đều giữ một tâm ngay thẳng, đó là bất động đạo tràng, đó là Tịnh độ chân thật, ấy gọi là Nhất hạnh Tam muội. Đủ hai thứ Tam muội ấy, thì như đất có tàng ẩn hạt giống, dần dần lớn lên thành cây trái. Nhất tướng nhất hạnh cũng vậy. Tôi nói pháp như mưa đúng thời thấm vào đất, Phật tánh các ông như những hạt giống gặp sự thấm nhuần ấy đều được nảy nở. Theo tông chỉ của tôi thì chắc chắn được trí Bồ đề, theo hạnh của tôi thì quyết sẽ chứng diệu quả. Hãy nghe kệ này:

Đất tâm đủ các giống
Gặp mưa đều nảy mầm
Hoa “đốn ngộ” đã nở
Trái “Bồ đề” tự thành.

Đọc bài kệ xong, Sư lại dạy:

- Pháp vốn không hai, tâm cũng vậy. Đạo vốn thanh tịnh không có các tướng. Các ông hãy cẩn thận, chớ quán tịnh và làm trống rỗng cái tâm. Tâm vốn thanh tịnh, không có một vật gì có thể lấy hay bỏ. Các ông hãy nỗ lực.

Đồ chúng đánh lễ mà lui.

Ngày mồng tám tháng bảy, Sư gọi môn nhân bảo:

- Tôi muốn về Tân Châu, các ông hãy mau sửa soạn thuyền chèo.

Đại chúng tha thiết xin Ngài lưu lại, nhưng Sư bảo:

- Chư Phật ra đời còn thị hiện nhập Niết bàn. Có đến phải có đi, lẽ thường là vậy. Hình hài này của tôi đi về đã có chỗ.

Chúng bạch hỏi:

- Hòa thượng đi rồi, xin sớm trở lại.

Sư dạy:

- Lá rụng về cội, trở lại không có ngày.

Chúng lại hỏi:

- Chánh pháp nhãn tạng nay truyền cho ai?

Sư trả lời bằng hai câu kệ:

Hữu đạo giả đắc
Vô tâm giả thông.

Người có đạo thì được
Người vô tâm thì thông.

- Bạch, từ khi Phật Tổ ứng hiện đến nay, truyền pháp đã được mấy đời? Xin Hòa thượng từ bi giải nói.

-

Chư Phật xưa xuất hiện ra đời thì số lượng không thể đếm xiết. Nay chỉ kể bảy vị Phật làm nguyên thủy vào kiếp trung Nguyên, thì quá khứ có:

Phật Tỳ bà Thi.

Phật Thi Khí.

Phật Tỳ Xá Phù.
Hiền kiếp hiện tại có:
Phật Câu Lưu Tôn.
Phật Câu Na Hàm Mâu Ni.
Phật Ca Diếp.
Thích Ca văn Phật.

Ấy là bảy vị Phật. Từ đức Thích Ca Mâu Ni truyền xuống có:

1. Tôn giả Ma Ha Ca Diếp.
 2. Tôn giả A Nan.
 3. Tôn giả Thương Na Hòa Tu.
 4. Tôn giả Ưu Ba Cúc Đa.
 5. Tôn giả Đề Đa ca.
 6. Tôn giả Di Giá Ca.
 7. Tôn giả Bà Tu Mật Đa.
 8. Tôn giả Phật Đà Nan Đề.
 9. Tôn giả Phục Đà Mật Đa.
 10. Hiếp Tôn giả
 11. Tôn giả Phú Na Dạ Xà.
 12. Mã Minh Đại Sĩ.
 13. Tôn giả Ca Tỳ Ma La.
 14. Long Thọ Đại Sĩ.
 15. Tôn giả Ca na Đề bà.
 16. Tôn giả La hầu La Đa.
 17. Tôn giả Tăng Già Nan Đề.
 18. Tôn giả Già Da Xá Đa.
 19. Tôn giả Cưu Ma La Đa.
 20. Tôn giả Xà Da Đa.
 21. Tôn giả Bà Tu Bàn Đầu.
 22. Tôn giả Ma Noa La.
 23. Tôn giả Cưu Lặc Na.
 24. Tôn giả Sư Tử.
 25. Tôn giả Bà Xá Tư Đa.
 26. Tôn giả Bất Như Mật Đa.
 27. Tôn giả Bát Nhã Đa La.
 28. Tôn giả Bồ Đề Đạt ma.
- Còn đất này thì có:
29. Đại Sư Huệ Khả.
 30. Đại Sư Tăng Xán.

31. Đại Sư Đạo Tín.
32. Đại Sư Hoằng Nhẫn.
Huệ Năng là Tổ thứ 33.

Từ các đời chư Tổ về trước, mỗi vị đều có hệ thống truyền thừa, các ông về sau hãy thay nhau lưu truyền Chánh Pháp, chớ để sai lạc.

Chúng hỏi:

- Về sau có nạn gì nữa không?

Sư đáp:

- Sau khi tôi mất sáu năm, sẽ có kẻ muốn trộm cái đầu của tôi, hãy nghe tôi nói lời sấm này:

Trên đầu nuôi người thân
Trong miệng cần đồ ăn
Khi gặp nạn Mãn này
Dương Liễu làm quan xử.

(Đầu thượng dưỡng thân
Khẩu lý tu xan
Ngộ Mãn chi nạn
Dương Liễu vi quan).

Năm Quý Sửu (nhằm thời đại Tiên Thiên năm thứ hai) ngày mồng ba tháng tám, tại chùa Quốc Ân, sau khi thọ trai xong. Đại sư gọi đồ chúng bảo:

- Các ông hãy theo thứ bậc mà ngồi xuống, tôi sẽ từ biệt.

Pháp Hải bạch:

- Hòa thượng để lại giáo pháp gì cho người mê đời sau thấy được Phật tánh?

Sư dạy:

- Các ông hãy nghe kỹ. Người mê đời sau, nếu biết rõ chúng sanh, thì đây là Phật tánh. Nếu không hiểu rõ chúng sanh, thì vạn kiếp tìm Phật cũng khó gặp. Tôi nay khuyên các ông hãy biết rõ chúng sanh của tự tâm thì thấy được Phật tánh của tự tâm. Muốn tìm thấy Phật, chỉ cần biết rõ chúng sanh. Chính

vì chúng sanh mê không thấy Phật, chứ không phải Phật làm cho chúng sanh mê lầm. Nếu ngộ được tự tánh, thì chúng sanh là Phật. Nếu tự tánh mê, thì Phật trở thành chúng sanh. Tự tánh mà bình đẳng, thì chúng sanh là Phật, tự tánh mà hiểm hóc tà vạy, thì Phật làm chúng sanh. Nếu tâm các ông hiểm độc quanh co thì Phật bị ẩn khuất trong chúng sanh, mà một niệm ngay thẳng khởi lên, thì đó là chúng sanh thành Phật. Tâm ta tự có Phật, Đức Phật của tự tâm mới là Phật thật. Nếu tự tâm không có Phật, thì biết tìm đâu cho ra một Đức Phật thật?

Tự tâm của các ông chính là Phật đó, đừng hồ nghi gì nữa. Ngoài tâm không một pháp nào có thể kiến lập, từ gốc tâm sanh ra vạn pháp, cho nên Kinh dạy: “Tâm sanh thì các pháp sanh, tâm diệt các pháp diệt”. Nay tôi để lại một bài kệ để từ biệt các ông, gọi là bài kệ về Đức Phật chơn thật của tự tánh. Người đời sau nếu biết được ý bài kệ này, thì sẽ tự thấy bản tâm, tự thành Phật đạo:

Tự tánh chơn như là Phật thật
Tà kiến, ba độc là ma vương
Khi tà mê khởi; ma làm chủ
Khi chánh kiến sanh: Phật ngự tòa
Ba độc, tà kiến sanh nơi tánh
Ấy là ma vương lui tới nhà
Dùng chánh kiến trừ tâm ba độc
Thì ma hóa Phật thật không sai
Pháp thân, Báo thân và hóa thân
Ba thân xưa nay chỉ là một
Nếu xoay vào tánh mà tự thấy
Ấy là nhân thành Phật Bồ đề
Vốn từ Hóa thân sanh tịnh tánh
Tánh thanh tịnh ở trong Hóa thân
Tánh ấy khiến thân làm đạo chánh
Tương lai viên mãn vô cùng chơn
Tánh tội lỗi vốn là nhân của tịnh
Vì bỏ tội lỗi thành thân thanh tịnh
Tự tánh xa lìa hết ngũ dục
Sát na thấy tánh, đó là chơn
Đời nay nếu được pháp Đốn giáo
Liên gặp tự tánh, thấy thế Tôn
Nếu muốn tu hành, muốn làm Phật
Biết chỗ nào khác để cầu chơn?

Nếu tự thấy chơn ở trong tâm
Có chơn thật là nhân thành Phật
Không thấy tự tánh, tìm Phật ngoài
Khởi tâm như vậy là đại ngu si
Nay tôi lưu lại pháp Đốn giáo
Cứu thế độ nhân, hãy tự tu
Hỡi những người học Phật tương lai
Không thấy vậy thì rất mờ mịt.

Sư nói kệ xong bảo đại chúng:

- Các ông khéo ở lại. Sau khi tôi diệt độ, chớ nên làm như thế gian, khóc lóc nhận người phúng điếu chia buồn, vận tang phục, như thế không phải đệ tử tôi, cũng không phải Chánh pháp. Chỉ cốt phải biết tự tâm, thấy tự tánh, không động tịnh, không sanh không diệt, không đến không đi, không thì không phi, không ở không về. Sợ các ông tâm còn mê không hiểu ý tôi, nay tôi dặn dò các ông một lần nữa để các ông thấy được bản tánh. Sau khi tôi diệt độ hãy theo đây tu hành thì cũng như tôi còn, nếu làm trái lời dạy của tôi, thì dù tôi có ở đời cũng không ích gì.

Rồi Ngài dạy thêm bài kệ:

Ngọt ngọt bất tu thiện
Đẳng đẳng bất tạo ác
Tịch tịch đoạn kiến văn
Đẳng đẳng tâm vô trước.

Trơ trơ không đắm thiện
Lãng xãng không tạo ác
Lặng lặng dứt thấy nghe
Tỏ tỏ tâm không vương.

Dạy kệ xong, Ngài đoan tọa đến nửa đêm thì gọi đồ chúng mà từ biệt: “Tôi đi nhé” rồi an nhiên thị tịch. Bấy giờ một mùi hương lạ xông khắp, cầu vồng trắng tiếp giáp đến đất, cây rừng biến thành trắng xóa, cầm thú kêu tiếng bi ai.

Đến tháng 11 năm ấy, quan liêu ở ba quận Quảng Châu, Thiên Châu, Tân Châu cùng với đệ tử xuất gia, tại gia đều tranh nhau cung nghênh chơn thân của Ngài về đất của quận nhà, không thể quyết đoán sẽ thỉnh về đâu. Họ đốt hương khẩn nguyện rằng, khói bay về đâu thì Đại sư sẽ về nơi ấy. Khi ấy

khói hương bay thẳng đến Tào Khê. Ngày 13 tháng 11, nhục thân Ngài được cung nghênh về Tào Khê cùng với y bát.

Năm sau, vào ngày 25 tháng 7, quan tài được mở ra, đệ tử của Tổ là Phương Biện tô ngoài thi hài một lớp đất sét nhồi với bột trầm hương. Nhớ lời tiên đoán của Tổ về sự ăn cắp đầu, môn nhân bèn lấy thiếc và vải sơn quấn vào cổ để phòng bị trước khi nhập tháp. Bỗng nhiên một luồng ánh sáng trắng xuất hiện từ trong tháp vọt thẳng lên trời ba ngày sau mới tan. Quan sở tại Thiều Châu dâng sớ tâu lên vua, vua lập bia ghi lại đạo hạnh của Tổ.

Lục Tổ thọ 76 tuổi, năm 24 tuổi được truyền y bát, 39 thế phát, thuyết pháp độ sanh 37 năm. Đệ tử đặc pháp có 43 người, còn số người ngộ đạo thoát trần thì không kể xiết.

Cái y của Sư Tổ Đạt Ma truyền lại, y ma nạp và bình bát quý do vua trung Tông tặng cùng với pho tượng của Sư do Phương Biện đắp và các pháp khí khác đều giao người coi tháp giữ gìn vĩnh viễn tại chùa Bảo Lâm. Đàn Kinh này được lưu truyền để hiển minh tông chỉ của thiền, làm cho Tam Bảo hưng thịnh, và đem lại lợi lạc cho quần sanh.

PHỤ LỤC CỦA LINH THAO - (NGƯỜI GIỮ THÁP)

Sau khi nhập tháp, vào thời Khai Nguyên năm thứ 10, ngày mùng 3 tháng 8 năm Nhâm Tuất, nửa đêm bỗng nghe trong tháp có tiếng kéo dây sắt. chúng Tăng kinh hãi thức dậy, thấy một người trong tháp chạy ra. Kiểm soát lại thì thấy cổ của Sư bị thương tổn, bèn đem việc ấy trình Châu huyện. Huyện sai dương Khả, Thứ sử Liễu Vô Thiểm gia công tầm nã. Năm ngày sau ở thôn Thạch Giác bắt được tên giặc, giải đến Thiều Châu. Hỏi thì y khai là họ Trương, tên Tịnh Mãn, người ở Nhữ Châu, huyện Lương, tại chùa Khai Nguyên, Hồng Châu, có nhận của một Tỳ kheo tên Kim Đại Bi người Tân La (Triều tiên) hai mươi ngàn đồng để đi trộm lấy đầu của Lục Tổ về thờ. Quan Thứ sử họ Liễu nghe lời cung xong, chưa vội gia hình, đến Tào Khê hỏi ý kiến vị thượng túc của Tổ là inh Thao nên xử thế nào. Linh Thao đáp:

- Căn cứ phép nước mà nói thì đáng tội tru di, nhưng vì Phật giáo từ bi, xem oán thân bình đẳng, vả lại kẻ kia muốn thỉnh về thờ, thì tội cũng nên tha vậy.

Thứ sử nghe xong không ngớt lời ca tụng:

- Thế mới biết cửa Phật là quảng đại!

Bèn ra lệnh ân xá. Niên đại Thượng Nguyên năm đầu, vua Túc Tông sai sứ đến thỉnh y bát của Lục Tổ về cung để thờ. Đến Vĩnh Thái nguyên niên vào ngày mùng 5 tháng 5, vua Đại Tông mộng thấy Lục Tổ đến thỉnh y bát, nên vào ngày mùng 7, vua ra sắc lệnh cho quan Thứ sử Dương Hàm rằng: “Trẫm mộng thấy Năng Thiên Sư đến thỉnh y bát và ca sa về Tào Khê. Nay sai quan Trần Quốc Đại tướng quân Lưu Sùng Cảnh cung nghinh về đó. Đối với Trẫm đây là báu vật của nước, nên phải như pháp mà tôn trí tại bản tự, bảo tàng chúng những vĩ đã đích thân thừa kế tông chỉ, hãy cẩn thận giữ gìn, chớ để hư hao”.

Về sau nhiều lần những bảo vật ấy bị trộm, nhưng chưa đi xa đã lấy lại được.

Vua Hiến Tông truy tặng Sư thụy hiệu là Đại Giám Thiên Sư, tháp hiệu Nguyên Hòa Linh Chiếu.

Ngoài ra, những sự tích khác về Tổ rất nhiều người biên chép như Thượng thư Vương Duy, Thứ sử Liễu Tôn Nguyên, Thứ sử Lưu Ngung Tích ... đều thuộc đời Đường.

(Người giữ tháp là Linh Thao sao lục)

Người gửi bài: Hải Hạnh

HẾT